Charlotte ngày 12-8-1997

Kính gởi Hội trưởng Hội Gia đình tù nhân chính trị Việt nam.

Tôi tên Lê Tánh và vợ là Võ thị Hoàng Liên. Kính thưa quí vị.

Vợ chồng tôi qua Mỹ ngày 5-9-1995 phải bỏ lại ở Việt nam 5 đứa con 3 trai và 2 gái hiện giờ chúng vẫn còn độc thân. Chúng tôi được vào phỏng vấn ngày 13-10-1994 với H33-H65, tôi nạp đầy đủ các giấy tờ như: - giấy ra trại bản chính
- Hôn thú bản chính (làm năm 1967)
- Khai sinh 5 đứa con (2 đứa con bản chính của chế độ cũ và 3 đứa sau bản sao của chế độ mới, vì trước kia chúng có khai sinh chế độ cũ hết nhưng không biết chúng nạp hết đâu cả khi làm hồ sơ tôi tìm trong học bạ chúng chỉ có bản sao của chế độ mới và ở nhà chẳng còn bản nào cả)

ngoài ra chúng tôi có nạp sổ hộ khẩu đầy đủ cả sổ mua hàng cấp năm 1984 và cả học bạ của các con tôi liên tục).

nhưng khi vào phỏng vấn, viên chức phỏng vấn cầm giấy bản sao khai sinh của đứa con gái tôi tên Lê Võ Tuý trinh và nói là "giấy này ông làm giả và có ý làm cho cũ cho nên tôi bắt buộc những đứa có giấy

tờ hộp lệ của"

Kính thưa quí vị tôi có trình bày tất cả học bạ hồ khẩu liên tục để chứng tỏ là những đứa con đó là của vợ chồng tôi và giấy bản sao khai sinh đó là sự thật của chính quyền địa phương cấp nhưng viên chức phòng vấn không cho trình bày và đập bàn hét đuổi ra ngoài, sau đó đến hồn thú của chúng tôi. Ông ta nói con dấu cũ lang, tôi hiểu trình bày hồn mấy tờ hồn thú cũ y như vậy đã mục nát bìa phía bìa để chứng tỏ cho ông ta thấy là hồn thú này là hồn thú cũ không phải giả, nếu giả ai làm chi nhiều tờ cũ mục như vậy, sau đó ông ta bảo tôi về làm lại hồn thú mới, tôi về làm lại hồn thú mới và vào nạp, hôm tiện tôi cũng về xin giấy xác nhận của địa phương là là 3 giấy bản sao khai sinh của 3 đứa con tôi là do chính quyền địa phương cấp chứ không phải giả và tôi xin làm lại 3 khai sinh mới cho 3 đứa đó theo mẫu mới hiện hành và vào gói cho phái đoàn cốt cục hồ chí cho vợ chồng tôi đi qua đây vào ngày 5 tháng 9 năm 1995 qua bên Mỹ tôi đã 2 lần làm hồ sơ và đơn xin cứu xét

nhưng họ vẫn gởi giấy từ chối và bảo vợ chồng tôi phải làm hồ sơ theo mẫu I 130

Kính thưa quý vị, trước đây tôi có đọc được thông báo của quý vị nhưng xét thấy trong điều kiện chúng tôi còn cái bị sót không phải lý do 21 tuổi mà vì lý do giấy tờ. Vì vậy tôi không gởi thư và giấy tờ để làm phiền quý vị, nhưng giờ đây lúc nào tâm thần cũng không yên vì lo nghĩ đến con ở quê nhà, và được tin tu chính án McCain được triển hạn một năm nữa vẫn biết mình không nằm trong diện này nhưng cảm thấy sở phận thật là hẩm hiu và rất là bạn đắc. Vậy nay tôi mạo muội viết thư này và gởi tất cả các bản photo hồ sơ của chúng tôi khi vào phỏng vấn cho quý vị để xem và có hướng chỉ bảo cho chúng tôi giờ đây phải làm thế nào để có thể đưa mấy đứa con của tôi qua sum họp với chúng tôi được

Xin quý vị vì tình cảm của chúng tôi giúp đỡ cho vợ chồng chúng tôi

Vợ chồng chúng tôi xin cảm ơn quý vị nhiều

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 211420237

Họ tên LÊ VÕ ANH TUẤN

Sinh ngày 24-06-1971

Nguyên quán Nghĩa Mỹ
Tư Nghĩa, Quảng Ngãi

Nơi thường trú Nghĩa Mỹ
Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Seo thẳng 1cm C.1cm dưới sau mép trái.

Ngày 7 tháng 9 năm 1994

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 211284668

Họ tên: LÊ VÕ VĂN THANH

Sinh ngày: 22-5-1970

Nguyên quán: Nghĩa Phương, Tư Nghĩa, Nghĩa Bình

Nơi thường trú: Nghĩa Phương, Tư Nghĩa, Nghĩa Bình

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thẳng 1cm cách 2cm trên sau cánh mũi trái

Ngày 12 tháng 8 năm 1987

KT. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần Đại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 211918193

Họ tên LÊ VÕ TÚY TRINH

Sinh ngày 10-6-1973

Nguyên quán Nghĩa phương
Tư nghĩa Quảng ngãi

Nơi thường trú Nghĩa phương
Tư nghĩa Quảng ngãi

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi C2cm dưới sau đuôi mày phải

Ngày 29 tháng 6 năm 1990

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 211201975 6

Họ tên LÊ VÕ DIỄM THƯƠNG

Sinh ngày 04-8-1974

Nguyên quán Nghĩa mỹ
Tư nghĩa Quảng ngãi

Nơi thường trú Nghĩa mỹ
Tư nghĩa Quảng ngãi

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH Nốt ruồi C2,5cm dưới trước đuôi mày trái
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 7 tháng 7 năm 1994 KT. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN Nguyễn Văn Đào

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Số 119-bc/CC Ngày 30 tháng 8 năm 1995

TRƯỞNG PHÒNG NGHIỆP VỤ CHỨNG THỰC

THÀNH VĂN HƯNG

Mao Huỳnh Đức

ĐÃ THU LỆ PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 211518192

Họ tên LÊ VÕ ANH TÚ

Sinh ngày 02-6-1972

Nguyên quán Nghĩa phương
Tư nghĩa Quảng ngãi

Nơi thường trú Nghĩa phương
Tư nghĩa Quảng ngãi

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sốt ruồi 22c dưới đầu mắt trái

Ngày 25 tháng 1 năm 1990

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

HỘ CHIẾU

Passport

Số / No PT 34818/91 ĐC1

Họ và tên *Full name*

LÊ VÕ VĂN THANH

Ngày sinh *Date of birth*

1970

Nơi sinh *Place of birth*

Quảng Ngãi

Chỗ ở *Domicile*

Quảng Ngãi

Nghề nghiệp *Occupation*

/

Chiều cao *Height*

Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

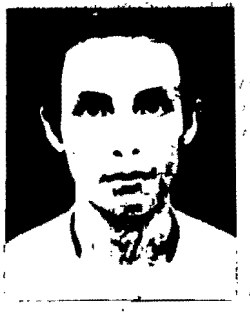

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

10 · 6 · 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1	Họ và tên	*Full name*
	Ngày sinh	*Date of birth*
	Nơi sinh	*Place of birth*
2	Họ và tên	*Full name*
	Ngày sinh	*Date of birth*
	Nơi sinh	*Place of birth*
3	Họ và tên	*Full name*
	Ngày sinh	*Date of birth*
	Nơi sinh	*Place of birth*

BỊ CHÚ — *REMARKS*

THỊ THỰC — *VISAS*

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số: 34818 XC

Cấp cho: Lê Võ Văn Thanh

Giấy số: 1 [illegible]

Hiện nay: Thiếu úy quân đội Sài Gòn

Đặc điểm nhận dạng: Trán cao, Mũi

Được phép xuất cảnh: 10 - 12 - 1991

Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

HỘ CHIẾU

Passport

Số / No PT 34826/91 ĐC

Họ và tên *Full name*

LE VO ANH TUẤN

Ngày sinh *Date of birth*

1971

Nơi sinh *Place of birth*

Quảng Ngãi

Chỗ ở *Domicile*

Quảng Ngãi

Nghề nghiệp *Occupation*

/

Chiều cao *Height*

Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

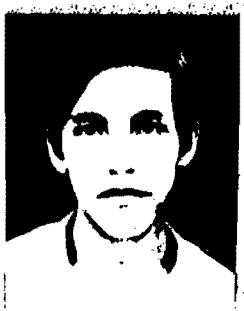

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

10 . 6 . 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

2

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

3

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHÚ — *REMARKS*

THỊ THỰC — *VISAS*

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 34824XC

Cấp cho Lê Vo Anh Tuấn

Cùng vợ / con / trẻ em

Đến nước Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 10 - 12 - 1991

Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Thượng tá

Nguyễn Thắng

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

HỘ CHIẾU

Passport

Số / No. PT 24820/91 ĐC

Họ và tên *Full name*

LÊ VÕ DIỄM THƯƠNG

Ngày sinh *Date of birth*

1974

Nơi sinh *Place of birth*

Quảng Ngãi

Chỗ ở *Domicile*

Quảng Ngãi

Nghề nghiệp *Occupation*

/

Chiều cao *Height*

Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

10 · 6 · 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991

Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

2

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

3

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHÚ — *REMARKS*

THỊ THỰC — *VISAS*

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 24820 XC

Cấp cho Lê Võ Diễm Thường

Cùng với 1 trẻ em

Đến nước: Liên bang quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Tân Sơn Nhất

Trước ngày 10 . 12 . 1991

Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991

CUC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

HỘ CHIẾU

Passport

Số / No PT 34822/71 ĐC1

Họ và tên *Full name*

LE VÕ TUY TRINH

Ngày sinh *Date of birth*

1973

Nơi sinh *Place of birth*

Quảng Ngãi

Chỗ ở *Domicile*

Quảng Ngãi

Nghề nghiệp *Occupation*

/

Chiều cao *Height*

Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

10 · 6 · 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991

Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Nguyễn Phong

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1	Họ và tên *Full name* Ngày sinh *Date of birth* Nơi sinh *Place of birth*
2	Họ và tên *Full name* Ngày sinh *Date of birth* Nơi sinh *Place of birth*
3	Họ và tên *Full name* Ngày sinh *Date of birth* Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHÚ — *REMARKS*

THỊ THỰC — *VISAS*

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 34822XO

Cấp cho Lê Võ Tuý Trinh

Cùng với 1 con

Đến nước: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Tân Sơn Nhất

Trước ngày 10 - 12 - 1991

Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Nguyễn Thắng

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

HỘ CHIẾU

Passport

Số
No PT 24824/91 ĐC1

Họ và tên *Full name*

LÊ VÕ ANH TÚ

Ngày sinh *Date of birth*

1972

Nơi sinh *Place of birth*

Quảng Ngãi

Chỗ ở *Domicile*

Quảng Ngãi

Nghề nghiệp *Occupation*

/

Chiều cao *Height*

Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

BỊ CHÚ — *REMARKS*

THỊ THỰC — *VISAS*

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 34824 XC

Cấp cho Lê Võ Anh Tú

Cùng với / trẻ em

Bên nước: Tiếp khẩu quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Tân Sơn Nhất

Trước ngày 10 - 12 - 1991.

Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

10 . 6 . 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 10 tháng 6 năm 1991
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1	Họ và tên *Full name*	
	Ngày sinh *Date of birth*	
	Nơi sinh *Place of birth*	
2	Họ và tên *Full name*	
	Ngày sinh *Date of birth*	
	Nơi sinh *Place of birth*	
3	Họ và tên *Full name*	
	Ngày sinh *Date of birth*	
	Nơi sinh *Place of birth*	

BAN THƯƠNG NGHIỆP
HUYỆN Tư Nghĩa
Số ..... /CBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Q 129

SỔ MUA VÀ BÁN HÀNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH NHÂN DÂN

Năm 1984

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn thị TÂM
Địa chỉ số ..... đường phố: Đội 2
Thôn: Phú Mỹ
Xã, thị trấn: Nghĩa Phương
Huyện, thị xã: Tư Nghĩa
Mua tại cửa hàng Hợp tác xã mua bán, Hợp tác xã tín dụng hoặc khu phố: Nghĩa phương

Ngày cấp .....

TRƯỞNG BAN THƯƠNG NGHIỆP
HUYỆN THỊ .....

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI TRONG GIA ĐÌNH

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Tuổi	Quan hệ gia đình	Nghề nghiệp
1	Nguyễn thị Tâm	1916	chủ hộ	nông
2	Võ thị hồng Liên	1949	dâu	–
3	Lê võ mỹ Tiên	1969	cháu	
4	Lê võ văn Thanh	1970	–	
5	Lê võ anh Tuấn	1971	–	
6	Lê võ anh Tú	1972	–	
7	Lê võ thị Trinh	1973	–	
8	Lê võ diễm Thường	1974	–	
9	Lê Tánh	1943		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI
CHỨNG NHẬN SAO BẢN CHÍNH
Số 1496/ ngày 21/12/90

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thành Long

T.M.U.B.H.T.X.M.S
CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH U.B.N.D. XÃ Nghĩa phương
Chứng nhận hộ này có 9 người
Ngày 10 tháng 7 năm 19..
Lý lịch đăng bạ

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người ký tên
4/8/84	Cá			1	2,50	
	Đậu			1	0,75	
	Dầu thực			1	3,60	
					6,85	
23/11						
	Đậu			1	0,21	
	20-12					
	Gạo			3	0,32	
	31-12-84					
	Gạo			3	13,14	
	Chè đen			1	0,50	
	Giấm			2	2,00	
	Nước mắm			1	20,00	
					58,30	
3/1	Đường			2	1,10	
	Bánh			1	1,24	
	1 Cam			1	12	

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên
18/4	Dầu			1	31	
20-6-85	Dầu			5	155	
	Diêm			5		
19/7/85	Dầu			1	31,5	
19/7/85	chì đen			1	4,60	
5/10	bìm			2	12,20	
16/10	bìm			2	12,20	
31/10	Dầu	L	6,10	2	19,20	
27/11/85	Hương			1	2,50	
	chì đen			1	4,60	
11/6/86	bìm			2	12,40	
27/7/86	bìm			1	6,20	
	Dầu			2	12,4	

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên
1-3/86	bìm			12	5,60	
5/5	Dầu			1	6,2	
	[illegible]			5	31,25	
	[illegible]			1	[illegible]	
22/7/86	bìm tay 6			1	6,40	
	[illegible]			05	[illegible]	
	bìm			10	2,60	
	bìm			2	4,60	
26-10-86	dầu			1	22,5	
7/11	bìm			1	22,00	

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên
18/10	Áo			5 kg	310 đ	
	Muối			1 kg	21,00	
25/12	Cá thu			3 kg	168	
	Lá			7	10	
	Diêm			2		
28/12	Chè đen			2 kg	100 đ	
	Bột			5 kg	250	
	Chè xanh			2 kg	266	
06/1/57	Dầu			1	65 đ	
7/1/57	1 bóng đèn			3 kg	190 đ	
11/01/57	Vải tên cung cấp			50 thước		
				70 thước		
	Dầu			1	70	

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên
25/11/57	Dầu			1	70	
	25 - 1	Muối		2		
		Lá		1		
		Bát		1		
		Đũa		1		
		Diêm		2		
4/1/57	Gạo đỏ			1	65 đ	
5/1/57	Dầu			2	140 đ	
8/9	Gạo lẻ			1,3	234 đ	
15/11	Áo			1 c	70 đ	
3/7/57	Bát			1 c	70 đ	

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NHÀ NƯỚC BÁN CHO GIA ĐÌNH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	N. k

BÁN CHO GIA ĐÌNH

TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng bán	Thành tiền	Người bán ký tên

PHẦN HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	G đ

ÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NHÀ NƯỚC

TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Lo quan nhà kỹ tên đóng dấu

PHẦN HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NHÀ

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	C d

ÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NHÀ NƯỚC

TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Cơ quan mua ký tên đóng dấu

PHẦN HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	d

ÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NHÀ NƯỚC

TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Cơ quan mua ký tên đóng dấu

PHẦN HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NH

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	C

NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NHÀ NƯỚC

ÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Cơ quan nào ký tên đóng dấu

PHẦN HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO N

Ngày tháng	TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền

NÔNG SẢN THỰC PHẨM GIA ĐÌNH BÁN CHO NHÀ NƯỚC

TÊN HÀNG	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Cơ quan nhà ký tên đóng dấu

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____ Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____ Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____ Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____ Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

7 NK 1

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số: 124 CN

Lê Tấn

Họ và tên chủ hộ: ~~Nguyễn Thị Cảm~~

Thôn, bản, xóm, ấp, ngõ, số nhà: Tổ 2, H.T.X Trung phường

Xã, thị trấn đường phố: Nghĩa Đường

Tiểu khu, phường, đồn công an:

Huyện, quận, khu phố, thị xã: Gò Công

Tỉnh, thành phố: Tiền Giang

Ngày 3 tháng 9 năm 1984

Trưởng công an huyện Gò Công

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tập số: 04

Trang số: 28

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	NAM hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	~~Nguyễn thị Cam~~	chủ hộ	nữ	09.09.1916		Nông		13-7-90 chết	
2.	Võ thị Hồng Liên	Vợ	nữ	020.11.1949	211021317	Nông			
3.	Lê Võ mỹ Tiên	Con	Nữ	15.07.1969	211628219	—			
4	Lê Võ Văn Thanh	Con	nam	22.05.1970	211257661	—			
5.	Lê Võ anh Tuấn	Con	nam	24.06.1971	211[illegible]2321	—			
6	Lê Võ anh Tú	Con	nam	02.06.1972	211[illegible]3310	—			
7	Lê Võ Thúy Trinh	Con	nữ	10.06.1973	211918173	—			
8	Lê Võ Thanh Hằng	Con	Nữ	04.08.1974		—			
9	Lê Tánh	Chồng	nam	15.01.1943	211287200	—	03/02/1980		16/6/85

LỜI DẶN

- *Sổ do Bộ nội vụ ban hành, không cơ quan đơn vị nào được tự tiện sửa đổi mẫu sổ.*
- *Mỗi hộ gia đình lập hai sổ : một sổ do chủ hộ giữ, một sổ lưu tại cơ quan đăng ký hộ khẩu sở tại.*
- *Cấm tẩy xóa, sửa chữa. Ngoài cơ quan đăng ký hộ khẩu, không ai được tự ghi nội dung sự việc đăng ký vào sổ.*
- *Nếu cả hộ gia đình chuyển đến nông thôn những nơi không lập sổ hộ khẩu gia đình hoặc đến tỉnh, thành phố, đặc khu khác thì công an cấp giấy chứng nhận chuyển đi thu lại sổ.*
- *Mất phải báo ngay cho công an phường , xã, thị trấn sở tại.*
- *Cấm mua, bán hoặc cho mượn sổ.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM — NK3a
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH QUẢNG NGÃI

HUYỆN TỬ NGHĨA

SỔ HỘ KHẨU
GIA ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ : LÊ TẤNH

Số nhà ..... Ngõ (hẻm) .....

Đường phố, xóm, ấp, bản MỸ HÒA

Phường, xã, thị trấn NGHĨA MỸ

Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh TỬ NGHĨA – QUẢNG NGÃI

Quyển số 129

CHỦ HỘ ..... SỐ : .....

Nội dung \ Quan hệ với chủ hộ	1 8	9
1- Họ và tên		
Tên thường gọi		
2 - Ngày tháng năm sinh		
3 - Nơi sinh		
4 - Nam hay nữ		
5 - Nguyên quán		
6 - Dân tộc		
7 - Tôn giáo		
8 - Số giấy CMND		
9 - Nghề nghiệp và nơi làm việc		
10- Chuyển đến		
- Ở đâu đến		
- Ngày đến		
11- Chuyển đi		
- Đi đâu		
- Ngày đi		
Cơ quan ĐKHK: Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận, huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, cấp bậc)		

CHỦ HỘ LÊ TÁNH SỐ : 129

Nội dung \ Quan hệ với chủ hộ	1 Chủ hộ	2 VỢ
1- Họ và tên	LÊ TÁNH	VÕ THỊ HOÀNG LIÊN
Tên thường gọi		
2 - Ngày tháng năm sinh	15 - 01 - 1943	20 - 11 - 1949
3 - Nơi sinh	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ
4 - Nam hay nữ	Nam	Nữ
5 - Nguyên quán	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ
6 - Dân tộc	Kinh	Kinh
7 - Tôn giáo		
8 - Số giấy CMND	211918191	210124317
9 - Nghề nghiệp và nơi làm việc	Nông Nghĩa Mỹ	Nông Nghĩa Mỹ
10- Chuyển đến		
- Ở đâu đến		
- Ngày đến		
11- Chuyển đi		
- Đi đâu		
- Ngày đi		
Cơ quan ĐKHK: Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận, huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, cấp bậc)		

CHỦ HỘ ..... SỐ : .....

Quan hệ với chủ hộ	3		15	16	17
	* CON	CON			
1- Họ và tên	Lê Võ Mỹ Tiên	Lê Võ Văn Thành			
Tên thường gọi					
2 - Ngày tháng năm sinh	15 - 07 - 1969	22 - 05 - 1970			
3 - Nơi sinh	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ			
4 - Nam hay nữ	Nữ	Nam			
5 - Nguyên quán	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ			
6 - Dân tộc	Kinh	Kinh			
7 - Tôn giáo					
8 - Số giấy CMND		[illegible]			
9 - Nghề nghiệp và nơi làm việc	Nông Nghĩa Mỹ	Nông Nghĩa Mỹ			
10- Chuyển đến					
- Ở đâu đến					
- Ngày đến					
11- Chuyển đi					
- Đi đâu	Đã nhận				
- Ngày đi					
Cơ quan đăng ký: Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận, huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, cấp bậc)					

CHỦ HỘ ..... SỐ : .....

Nội dung \ Quan hệ với chủ hộ	13	14
1- Họ và tên		
Tên thường gọi		
2 - Ngày tháng năm sinh		
3 - Nơi sinh		
4 - Nam hay nữ		
5 - Nguyên quán		
6 - Dân tộc		
7 - Tôn giáo		
8 - Số giấy CMND		
9 - Nghề nghiệp và nơi làm việc		
10- Chuyển đến		
- Ở đâu đến		
- Ngày đến		
11- Chuyển đi		
- Đi đâu		
- Ngày đi		
Cơ quan ĐKHK: Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận, huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, cấp bậc)		

SỐ .....

5	6	7
CON	CON	CON
Lê Võ Anh Quân	Lê Võ Anh Tú	Lê Võ Bích Trinh
24 - 06 - 1971	02 - 06 - 1972	10 - 06 - 1973
Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ
Nam	Nam	Nữ
Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ
Kinh	Kinh	Kinh
211420231	211918192	211918193
Nông	Nông	Nông
Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Mỹ

CHỦ HỘ ..... SỐ : .....

Số : .....

Nội dung \ Quan hệ với chủ hộ	8 con	9	10	11	12
	Lê Xô Diễm Châu				
1- Họ và tên					
Tên thường gọi					
2 - Ngày tháng năm sinh	04 – 08 – 1974				
3 - Nơi sinh	Nghĩa Mỹ				
4 - Nam hay nữ	Nữ				
5 - Nguyên quán	Nghĩa Mỹ				
6 - Dân tộc	Kinh				
7 - Tôn giáo					
8 - Số giấy CMND	212019736				
9 - Nghề nghiệp và nơi làm việc	Nông Nghĩa Mỹ				
10- Chuyển đến					
- Ngày đến					
11- Chuyển đi					
- Đi đâu					
- Ngày đi					
Cơ quan ĐKHK: Ngày tháng năm đăng ký. Trưởng công an quận, huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, cấp bậc)	25/12/92				

TƯ NGHĨA ngày 19/8/1995

CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC
HUYỆN TƯ NGHĨA TỈNH QUẢNG NGÃI
CÁN BỘ CÔNG CHỨNG

Đỗ Thanh Tịnh

TL/CHỦ TỊCH UBND H. TƯ NGHĨA
CHÁNH VĂN PHÒNG

Phạm Cao Trận

20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BỘ GIÁO DỤC

HỌC BẠ

BẬC HỌC PHỔ THÔNG CƠ SỞ

Trường: PTCS NGHĨA PHƯƠNG 2

Quận, Huyện: TỨ NGHĨA

Tỉnh, Thành phố: NGHĨA BÌNH

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH: LÊ VÕ DIỄM THƯƠNG

*PN. 111 83 — 5.000đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

HỌC BẠ

Họ và tên học sinh: Lê Võ Diễm Thường
Nam hay nữ: Nữ sinh ngày
(viết bằng chữ) Mùng bốn tháng Tám
năm một nghìn chín trăm bảy Tư
Tại Nghĩa phương, Tư nghĩa, Nghĩa bình
Con ông: Lê Tánh nghề nghiệp nông,
và bà Võ Thị H. Liên nghề nghiệp nông
Địa chỉ (nếu thay đổi, ghi bổ sung)

Ngày 05 tháng 9 năm 1983
P. Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Năm học	Ngày vào học	Số đăng ký	Lớp	Ngày thôi học hoặc chuyển trường (ghi rõ lý do)
1983 — 1984	05 9 84		Một	
1984 — 1985			Hai	
1985 — 1986			Ba	
1986 — 1987			Bốn	
1987 — 1988			Năm	
1988 — 1989			Sáu	
1989 — 1990			Bảy	
1990 — 1991			Tám	
1991 — 1992			Chín	
19 — 19				

Lớp Một — số học sinh trong lớp 35

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	7	7		10		
II						

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	5,4	7,8	8	8			8	8
Tháng thứ 2	6,7	7,1	9	8			8	8
Tháng thứ 3	5,5	7,1	8	8			8	
Tháng thứ 4	6,0	7,3	9	8			8	8
Tháng thứ 5								
Đ.T.B các tháng	5,70	7,30						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ								
Đ.T.B. học kỳ	5,70	7,30	8,5	8,0			8,2	8,0
Xếp thứ	13	3	1	9			9	12
Đ.T.B cả năm	6,60		8,2				8,0	
Xếp thứ	5		7				10	

Họ và tên học sinh Lê Võ Hoàn Thương năm học 1983-1984

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		T	T	T	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Lên lớp
Văn hóa		TB	K	K	
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.		T	T	T	
Số ngày nghỉ học	P		1	1	
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Ngoan ngoãn, nghiêm túc, trung giữ hoa

Về văn hóa: Học lực khá

Về lao động:

Về B.V. và R.L.T.T.: Sạch sẽ, Sạch sẽ

Ngày 15 tháng 5 năm 1984 — Hiệu trưởng (Ghi rõ họ, tên, ký, đóng dấu)

Ngày 14 tháng 5 năm 1984 — Giáo viên phụ trách (Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lê thị Đức

Lớp 11a1 số học sinh trong lớp 34

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	9	9	8	10	6	
II	8	5		6	7	

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	6.4	6.3	7	10	—		9	10
Tháng thứ 2	6.0	6.2	8	10			8	8
Tháng thứ 3	6.5	6.4	9	10			8	8
Tháng thứ 4	7.1	6.3	10	10			9	9
Tháng thứ 5							8	9
Đ.T.B các tháng	6.4	6.3						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ	8.2	6.5						
Đ.T.B. học kỳ	7.3	6.4	8	9.2			8.0	9.0
Xếp thứ	7	12	1	1			1	3
Đ.T.B cả năm	6.7		8.7				7	
Xếp thứ	9		8.8				1	

Họ và tên học sinh Lê Vũ Điểm Thúy Năm học 19[illegible]/19[illegible]

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		K	T	K	Được lên lớp hay ở lại hẳn hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Lên lớp
Văn hóa		[illegible]	K	K	
Lao động		T	T	T	
B.V. và R.L.T.T.		T	K	T	
Số ngày nghỉ học	P	1	4	5	
	K	1	0	1	Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạoức: Khá. Tính tình dễ thương, hòa nhã với bạn bè

Về văn hóa: Chuyên cần, có tiến bộ nhiều ở học kỳ II

Về lao động: Có tích cực trong lao động

Về B.V. và R.L.T.T.: Sạch sẽ, gọn gàng

Ngày [illegible] tháng [illegible] năm 19[illegible]
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 20 tháng 5 năm 19[illegible]
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)
Trần thị Lệ Hằng

Lớp 12C1 ... số học sinh trong lớp .....

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
1	6	4	4	7	5	-
[illegible]	7	1	3	7	7	

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	5,6	5,9			8	8	8	8
Tháng thứ 2	6,1	6,6			8	7	8	7
Tháng thứ 3	6,6	6,4			8	8	8	8
Tháng thứ 4	6,6	6,5			9	7	8	7
Tháng thứ 5								
Đ.T.B các tháng	6,2	6,4						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ	5,2	5,6						
Đ.T.B. học kỳ	5,7	6,1			8,3	7,5	8,1	7,5
Xếp thứ								
Đ.T.B cả năm	5,9				7,9		7,8	
Xếp thứ	17							

Họ và tên học sinh Lê Võ Hàm Thường Năm học 19 – 19

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		T	T	T	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Lên lớp
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		T	K	K	
B.V. và R.L.T.T.		T	K	K	
Số ngày nghỉ học	P	1	2	3	
	K	1	–	1	Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm: –
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Tốt, biết vâng lời.

Về văn hóa: Trung bình có tiến bộ.

Về lao động: Khá

Về B.V. và R.L.T.T.: Khá

Ngày 5 tháng 5 năm 19[illegible]

Hiệu trưởng
(Ký rõ họ, tên, và đóng dấu)

Ngày 25 tháng 5 năm 1986

Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Võ Thị Lê Dung

Lớp 4C số học sinh trong lớp 36

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	6	8	7	6	9	6
II	8	6	4	6	7	10

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	65	67	9	9	86	87	8	8
Tháng thứ 2	70	63	9	9	86	85	8	8
Tháng thứ 3	74	63	9	9	86	86	8	8
Tháng thứ 4	70		9		86		8	
Tháng thứ 5								
Đ.T.B các tháng	70	66						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ	70	69						
Đ.T.B. học kỳ	70	68	90	90	86	86	80	80
Xếp thứ	09	09						
Đ.T.B cả năm	69		90		86		80	
Xếp thứ	09							

Họ và tên học sinh Lê Võ Điểm Thương năm học 1986-1987

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp thay ở lại hẳn học phải thi lại phải rèn luyện thêm trong hè
Văn hóa		Khá	Khá	Khá	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp
Số ngày nghỉ học	P	1	1		
	K				Điểm thi lại
Danh hiệu thi đua		T	T		Kết quả rèn luyện thêm
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Tốt

Về văn hóa: Khá

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.: Tốt

Ngày ... tháng ... năm 19...
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 25 tháng 5 năm 1987
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Ngọc Dung

Lớp Năm C — số học sinh trong lớp 31

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	8	5	6	3	5	5
II	8	4	6	3	5	5

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	6.0	6.1	T	T	T	T	T	T
Tháng thứ 2	5.4	5.1	T	T	T	T	T	T
Tháng thứ 3	4.8	6.8	K	T	T	T	T	T
Tháng thứ 4								
Tháng thứ 5								
Đ.T.B cả tháng	5.3	6.0						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ	5.3	5.2						
Đ.T.B. học kỳ	5.3	5.6	T	T	T	T	T	T
Xếp thứ	19	10						
Đ.T.B cả năm	5.6		T		T		T	
Xếp thứ	13							

Họ và tên học sinh Lê Võ Diễm Trường — Năm học 1987-1988

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		T	T	T	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa		TB	TB	TB	Lên 4
Lao động		T	T	T	
B.V. và R.L.T.T.		T	T	T	
Số ngày nghỉ học	P	1		1	
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Tốt

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.: Tốt

Ngày 22 tháng 5 năm 1988 — Hiệu trưởng (Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 17 tháng 5 năm 1988 — Giáo viên phụ trách (Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Trần Thị Kim Phúc

Lớp..... số học sinh trong lớp.....

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I						
II						

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1								
Tháng thứ 2								
Tháng thứ 3								
Tháng thứ 4								
Tháng thứ 5								
Đ.T.B các tháng								
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ								
Đ.T.B. học kỳ								
Xếp thứ								
Đ.T.B cả năm								
Xếp thứ								

Họ và tên học sinh..... Năm học 19 – 19 –

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa					
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức:

Về văn hóa:

Về lao động:

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày.....tháng.....năm 19..... Ngày.....tháng.....năm 19.....

Hiệu trưởng (Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Giáo viên phụ trách (Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp 6C số học sinh trong lớp 36

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I ĐTB	HK I XT	HK II ĐTB	HK II XT	Cả năm ĐTB	Cả năm XT	Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
Ngữ văn	5.0		5.1		5.1		T.B	
Toán	6.3		4.3		5.0		T.Bình	
Lịch sử	6.0		6.8		6.8		Khá	
Địa lý	4.7		6.0		5.6		T.Bình	
Vật lý – Vệ sinh	5.6		5.1		5.4		T.B	
Hóa Vẽ								
Sinh vật	5.8		5.6		5.6		T.B	
Kỹ thuật Nữ công	4.8		6.8		5.8		T.B	
Tiếng nước ngoài	4.5		4.2		4.3		Yếu	
Chính trị	6.2		8.4		8.4		Khá	
Nhạc								
Thể dục	10	8	7	9	10		Tốt	
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	9.0		9.4		9.2		Tốt	

Họ và tên học sinh Lê Võ Diễm Thúy Năm học 1988-1989

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

	Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức	Khá	Tốt	Tốt	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Lên lớp
Văn hóa	T.B	T.B	T.B	
Lao động	Khá	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.	Khá	Tốt	Tốt	
Số ngày nghỉ học P / K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua				Kết quả rèn luyện thêm: 0.0
Kỷ luật				

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Tốt

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.: Tốt

Ngày 16 tháng 5 năm 1989
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 16 tháng 5 năm 1989
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)
Huỳnh thị thu thủy

Lớp 1a số học sinh trong lớp 32

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	6.8		6.6		6.7		Khá	
Toán	6.4		5.5		57		TB	
Lịch sử	6.5		6.4		6.4		TBình	
Địa lý	4.8		5.8		54		TBình	
Vật lý Vệ sinh	6.2		7.0		67		Khá	
Tiếng Việt	6.0		5.0		5.3		TB	
Sinh vật	6.4		54		57		TB	
Kỹ thuật Nữ công	6.6		70		69		Khá	
Tiếng nước ngoài	5.4		49		57		Tbình	
Chính trị	6.8		65		66		Khá	
Nhạc								
Thể dục	74		64		67		Khá	
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	9.0		85		87		Tốt	

Họ và tên học sinh Lê Võ Diễm Trường Năm học 1989-90

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.		Tốt	Tốt	Tốt	Lên lớp
Số ngày nghỉ học	P	0	–	–	
	K	–	–	–	Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: tốt

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: – tốt

Về B.V. và R.L.T.T.: tốt

Ngày 20 tháng 5 năm 1990
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 11 tháng 5 năm 1990
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, ký)

Bùi Thị Phương Oanh

Lớp 8C — Số học sinh trong lớp 28

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I ĐTB	HK I XT	HK II ĐTB	HK II XT	Cả năm ĐTB	Cả năm XT	Nhận xét của giáo viên Bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
Ngữ văn	49		50		50		TB	[illegible]
Toán	59		60		59		TB	[illegible]
Lịch sử	66		65		65		Khá	[illegible]
Địa lý	60		71		67		Khá	[illegible]
Vật lý Vệ sinh	43		50		48		Yếu	[illegible]
Hóa Vẽ	62		47		53		TB	[illegible]
Sinh vật	63		68		66		Khá	[illegible]
Kỹ thuật Nữ công	54		56		54		Thường	[illegible]
Tiếng nước ngoài	41		49		45		Yếu	[illegible]
Chính trị	62		60		61		TBình	[illegible]
Nhạc								
Thể dục	90		85		87		Giỏi	[illegible]
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	80		80		80		Tốt	[illegible]
	59		59		59		TB	[illegible]

Họ và tên học sinh Lê Vũ Hồng Thủy — Năm học 1964-1965

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

	Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức	T	T	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Được lên lớp
Văn hóa	TB	TB	TB	
Lao động				
B.V. và R.L.T.T.				
Số ngày nghỉ học P	/	/	/	Điểm thi lại:
Số ngày nghỉ học K	/	0	32	
Danh hiệu thi đua				Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật				

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Khá

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày [illegible] tháng 5 năm 1964 — Hiệu trưởng (Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu) — Đỗ Quang Minh

Ngày [illegible] tháng [illegible] năm 1964 — Giáo viên phụ trách (Ghi rõ họ, tên, chữ ký) — Lê Thị [illegible]

Lớp 5C số học sinh trong lớp 21

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên Bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	6,4		6,1		6,9		T.Bình	
Toán	6,5		5,9		6,8		T.Bình	
Lịch sử	7,5		7,7		7,6		Khá	
Địa lý	7,2		8,2		7,9		Khá	
Vật lý Vệ sinh	4,9		6,5		5,3		Thường	
Hóa Vẽ	4,9		4,9		4,9		Yếu	
Sinh vật	6,4		6,7		6,6		Khá	
Kỹ thuật Nữ công	5,7		7,0		6,5		Khá	
Tiếng nước ngoài	5,1		5,2		5,3		TB	
Chính trị	6,5		8,3		7,3		Khá	
Nhạc								
Thể dục	6,5		7,9		7,4		Khá	
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	7,9		6,6		6,2		TB	

Họ và tên học sinh Vũ Đình Thường Năm học 1991-92

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	Khá	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Tiên tiến
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Khá

Về văn hóa: TBình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày 15 tháng 5 năm 1992
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày 13 tháng 5 năm 1992
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lê Văn Mai

Lớp..... *số học sinh trong lớp*.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	H K I		H K II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên Bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn								
Toán								
Lịch sử								
Địa lý								
Vật lý Vệ sinh								
Hóa Vẽ								
Sinh vật								
Kỹ thuật Nữ công								
Tiếng nước ngoài								
Chính trị								
Nhạc								
Thể dục								
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động								

Họ và tên học sinh..... *Năm học 19 – 19 –*

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa					
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức:

Về văn hóa:

Về lao động:

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày.....*tháng*.....*năm 19*.....
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày.....*tháng*.....*năm 19*.....
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỌC BẠ

1 — Học bạ là cuốn sổ gốc ghi kết quả học tập và rèn luyện của mỗi học sinh từ khi được nhận vào học đến khi thôi học hoặc ra trường trong cả bậc phổ thông cơ sở. Học bạ có 24 trang, đánh số từ 1 đến 24 (không kể 4 trang bìa). Học bạ do nhà trường lập bảo quản, và trả lại cho học sinh khi thôi học hoặc tốt nghiệp ra trường.

2 — Việc ghi chép trong học bạ phải đầy đủ rõ ràng các mục theo quy chế hiện hành và theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục, phải ghi kịp thời cuối mỗi tháng (với cấp I) cuối mỗi học kỳ và cuối năm học (với cấp I, cấp II). Tuyệt đối không được tẩy, xóa lấp hẳn hoặc chữa đè lên những chữ số và chữ viết trong học bạ. Nếu cần sửa chữa giáo viên gạch một gạch bỏ và dùng mực đỏ viết bên cạnh hoặc bên trên và hiệu trưởng phải đóng dấu xác nhận. Học sinh không được viết, ghi điểm vào học bạ.

3 — Mỗi năm học có 2 trang học bạ: trang 1 ghi kết quả điểm số và xếp thứ tự (đối với cấp II có nhận xét của giáo viên dạy bộ môn), trang 2 ghi kết quả xếp loại và nhận xét của giáo viên chủ nhiệm và hiệu trưởng. Điểm số, xếp thứ và xếp loại phải ghi chính xác. Nhận xét phải vừa tổng quát, vừa cụ thể, tóm tắt và làm nổi bật lên được những khả năng, ưu điểm, khuyết điểm, nhược điểm của học sinh.

Về đạo đức: Ý thức học tập, rèn luyện; ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống văn minh (bao gồm cả mối quan hệ với mọi người).

Về học tập: Trình độ nắm kiến thức: kỹ năng vận dụng kiến thức, thực hành; sự phát triển tư duy, phương pháp học tập.

Về bảo vệ rèn luyện thân thể: Nền nếp thói quen giữ vệ sinh, tập thể dục: sự phát triển về thể lực, tình trạng bệnh tật; kết quả rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn.

Về lao động: Nền nếp thói quen trong lao động trình độ nắm và vận dụng kỹ thuật và kỹ năng lao động.

Sau cùng có nhận xét chung, ghi một nhận xét bao quát về học sinh trong cả một năm học.

Chú ý: Ở trang 1 đối với cấp I thang điểm ghi theo các tháng dương lịch. Một năm có 9 tháng học. Tháng thứ 5 tính vào học kỳ II. Các mặt đạo đức, B.L T.T. lao động đều tính điểm trung bình, xếp thứ từng học kỳ và cả năm.

BỘ GIÁO DỤC

(So CC 82)

20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BỘ GIÁO DỤC

HỌC BẠ

BẬC HỌC PHỔ THÔNG CƠ SỞ

Trường: PTCS NGHĨA PHƯƠNG 2

Quận, Huyện: TỨ NGHĨA

Tỉnh, Thành phố: NGHĨA BÌNH

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH: LÊ VÕ DIỄM THƯƠNG

TN. 111 83 — 5.000đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

HỌC BẠ

Họ và tên học sinh: Lê Võ Diễm Thường
Nam hay nữ: Nữ sinh ngày
(viết bằng chữ) Mùng bảy tháng Tám
năm một nghìn chín trăm bảy tư
Tại Nghĩa phương, Tư nghĩa, Nghĩa bình
Con ông: Lê Tấn nghề nghiệp nông,
và bà Võ Thị H. Liên nghề nghiệp nông
Địa chỉ (nếu thay đổi, ghi bổ sung)

Ngày 05 tháng 9 năm 1983
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Năm học	Ngày vào học	Số đăng ký	Lớp	Ngày thôi học hoặc chuyển trường (ghi rõ lý do)
1983 — 1984	05.9.84		Một	
1984 — 1985			Hai	
1985 — 1986			Ba	
1986 — 1987			Bốn	
1987 — 1988			Năm	
1988 — 1989			Sáu	
1989 — 1990			Bảy	
1990 — 1991			Tám	
1991 — 1992			Chín	
19 — 19				

Lớp 1A5 số học sinh trong lớp 35

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	7	7		10		
II						

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	5,4	7,8	8	8			8	8
Tháng thứ 2	6,7	7,1	9	8			8	8
Tháng thứ 3	5,5	7,1	8	8			8	
Tháng thứ 4	6,0	7,3	9	8			8	8
Tháng thứ 5								
Đ.T.B các tháng	5,70	7,30						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ								
Đ.T.B. học kỳ	5,70	7,30	8,5	8,0			8,0	8,0
Xếp thứ	13	3	1	9			9	12
Đ.T.B cả năm	6,60		8,2				8,0	
Xếp thứ	5		7				10	

Họ và tên học sinh Lê Võ Diễm Thương năm học 1983-1984

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		T	T	T	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa		TB	K	K	
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.		T	T	T	
Số ngày nghỉ học	P		1	1	
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Ngoan ngoãn, nghiêm túc, trung giữ hoa

Về văn hóa: Học lực khá

Về lao động:

Về B.V. và R.L.T.T.: Sạch sẽ, sạch sẽ

Ngày 15 tháng 5 năm 1984
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 14 tháng 5 năm 1984
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lê thu Đức

Lớp Hai số học sinh trong lớp 32

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	9	9	8	10	6	
II	6	5		6	7	

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	6.1	6.3	T	10	—		9	10
Tháng thứ 2	6.0	6.2	8	10			8	8
Tháng thứ 3	6.5	6.4	9	10			8	8
Tháng thứ 4	7.1	6.3	10	10			9	9
Tháng thứ 5	c						8	9
Đ.T.B các tháng	6.4	6.3						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ	8.2	6.5						
Đ.T.B. học kỳ	7.3	6.4	8	9.7			8.0	9.0
Xếp thứ	7	12	1	1			1	3
Đ.T.B cả năm	6.7		8.7				7	
Xếp thứ	4		8.8				1	

Họ và tên học sinh Lê Võ Điểm Thúy Năm học 19[illegible]

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		K	T	K	Được lên lớp hay ở lại hẳn hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa		[illegible]	K	K	
Lao động		T	T	T	
B.V. và R.L.T.T.		T	K	T	Lên lớp
Số ngày nghỉ học	P	1	4	5	
	K	1	0	1	Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạoức: Khá - tính tình dễ thương - hòa nhã đối với bạn bè

Về văn hóa: Chuyên cần - có tiến bộ nhiều ở học kỳ II

Về lao động: Có tích cực trong lao động

Về B.V. và R.L.T.T.: Sạch sẽ - gọn gàng

Ngày [illegible] tháng [illegible] năm 19[illegible]
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 20 tháng 5 năm 19[illegible]
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)
Trần thị Lệ Phương

Lớp 12Cu số học sinh trong lớp.....

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
1	6	4	4	7	5	-
[illegible]	7	1	3	7	7	

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	5,6	5,9			8	8	8	8
Tháng thứ 2	6,1	6,6			8	7	8	7
Tháng thứ 3	6,6	6,4			8	8	8	8
Tháng thứ 4	6,6	6,5			9	7	8	7
Tháng thứ 5								
Đ.T.B các tháng	6,2	6,4						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ	5,2	5,6						
Đ.T.B. học kỳ	5,7	6,1			8,3	7,5	8,1	7,5
Xếp thứ								
Đ.T.B cả năm	5,9				7,9		7,8	
Xếp thứ	17							

Họ và tên học sinh Lê Võ Diễm Thường Năm học 19 – 19

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		T	T	T	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		T	K	K	
B.V. và R.L.T.T.		T	K	K	
Số ngày nghỉ học	P	1	2	3	
	K	1	–	1	Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Tốt, biết vâng lời

Về văn hóa: Trung bình có tiến bộ.

Về lao động: Khá

Về B.V. và R.L.T.T.: Khá

Ngày 5 tháng 5 năm 1986
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ngày 25 tháng 5 năm 1986
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Võ Thị Lệ Dung

Lớp 4C số học sinh trong lớp 36

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	6	8	7	6	9	6
II	8	6	4	6	7	10

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	65	67	9	9	86	87	8	8
Tháng thứ 2	70	63	9	9	86	85	8	8
Tháng thứ 3	74	63	9	9	86	86	8	8
Tháng thứ 4	70		9		86		8	
Tháng thứ 5								
Đ.T.B các tháng	70	66						
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ	70	69						
Đ.T.B. học kỳ	70	68	90	90	86	86	80	80
Xếp thứ	09	09						
Đ.T.B cả năm	69		90		86		80	
Xếp thứ	09							

Họ và tên học sinh Lê Võ Điểm Thương năm học 1986-1987

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp, nếu ở lại hoặc phải thi lại phải rèn luyện thêm trong hè
Văn hóa		Khá	Khá	Khá	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp
Số ngày nghỉ học	P	1	1		
	K				Điểm thi
Danh hiệu thi đua		T	T		Kết quả rèn luyện thêm
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Tốt

Về văn hóa: Khá

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T. Tốt

Ngày ... tháng ... năm 19...
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 25 tháng 5 năm 1987
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Ngọc Dung

Lớp Năm C — số học sinh trong lớp 31

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	8	5	6	3	5	5
II	8	4	6	3	5	5

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	6.0	6.1	T	T	T	T	T	T
Tháng thứ 2	5.4	5.1	T	T	T	T	T	T
Tháng thứ 3	4.8	6.8	K	T	T	T	T	T
Tháng thứ 4								
Tháng thứ 5								
Đ.T.B cả tháng	5.3	6.0						
Đ.T.B các bài K. cuối học kỳ	5.3	5.2						
Đ.T.B. học kỳ	5.3	5.6	T	T	T	T	T	T
Xếp thứ	19	10						
Đ.T.B cả năm	5.6		T		T		T	
Xếp thứ	13							

Họ và tên học sinh Lê Võ Diễm Trường — Năm học 1987-1988

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		T	T	T	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Lên lớp
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		T	T	T	
B.V. và R.L.T.T.		T	T	T	
Số ngày nghỉ học	P	1		1	
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Tốt

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.: Tốt

Ngày 22 tháng 5 năm 1988
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 17 tháng 5 năm 1988
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Trần Thị Kim Phúc

Lớp..... số học sinh trong lớp.....

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I						
II						

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1								
Tháng thứ 2								
Tháng thứ 3								
Tháng thứ 4								
Tháng thứ 5								
Đ.T.B các tháng								
Đ.T.B các bài K.T. cuối học kỳ								
Đ.T.B. học kỳ								
Xếp thứ								
Đ.T.B cả năm								
Xếp thứ								

Họ và tên học sinh..... Năm học 19 – 19 –

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa					
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức:

Về văn hóa:

Về lao động:

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày.....tháng.....năm 19..... Ngày.....tháng.....năm 19.....

Hiệu trưởng (Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Giáo viên phụ trách (Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp 6C số học sinh trong lớp 36

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I ĐTB	HK I XT	HK II ĐTB	HK II XT	Cả năm ĐTB	Cả năm XT	Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
Ngữ văn	5.0		5.1		5.1		T.B	
Toán	6.3		4.3		5.0		T.Bình	
Lịch sử	6.0		6.8		6.8		Khá	
Địa lý	4.7		6.0		5.6		T.Bình	
Vật lý – Vệ sinh	5.6		5.1		5.4		T.B	
Hóa – Vẽ								
Sinh vật	5.8		5.6		5.6		T.B	
Kỹ thuật – Nữ công	4.8		6.8		5.8		T.B	
Tiếng nước ngoài	4.5		4.2		4.3		Yếu	
Chính trị	6.2		8.4		8.4		Khá	
Nhạc								
Thể dục	10	8	7	9	10		Tốt	
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	9.0		9.4		9.2		Tốt	

Họ và tên học sinh Lê Võ Diễm Thúy Năm học 1988-1989

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

	Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức	Khá	Tốt	Tốt	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Lên lớp
Văn hóa	TB	TB	TB	
Lao động	Khá	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.	Khá	Tốt	Tốt	
Số ngày nghỉ học P				Điểm thi lại:
Số ngày nghỉ học K				
Danh hiệu thi đua				Kết quả rèn luyện thêm: 0.0
Kỷ luật				

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Tốt

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.: Tốt

Ngày 12 tháng 5 năm 1989
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 11 tháng 5 năm 1989
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)
Huỳnh Thị Thu Thủy

Lớp 7a số học sinh trong lớp 32

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	6.8		6.6		6.7		Khá	[illegible]
Toán	6.4		5.3		57		TB	[illegible]
Lịch sử	6.5		6.4		6.4		T Bình	[illegible]
Địa lý	4.8		5.8		5.4		TBình	[illegible]
Vật lý Vệ sinh	6.2		7.0		6.7		Khá	[illegible]
Tiếng Việt	6.0		5.0		5.3		TB	[illegible]
Sinh vật	6.4		5.4		57		TB	[illegible]
Kỹ thuật Nữ công	6.6		7.0		6.9		Khá	[illegible]
Tiếng nước ngoài	5.4		4.9		5.1		Tốt	[illegible]
Chính trị	6.8		6.5		6.6		Khá	[illegible]
Nhạc								
Thể dục	7.4		6.4		6.7		Khá	[illegible]
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	9.0		8.5		8.7		Tốt	[illegible]

Họ và tên học sinh Lê Võ Điểm Trường Năm học 1989-90

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.		Tốt	Tốt	Tốt	Lên lớp
Số ngày nghỉ học	P	0	—	—	
	K	—	—	—	Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm: —
Kỷ luật		—			

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: tốt

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: – tốt

Về B.V. và R.L.T.T.: tốt

Ngày 20 tháng 5 năm 1990
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 17 tháng 5 năm 1990
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, ký)

Bùi Thị Phương Oanh

Lớp 8C Số học sinh trong lớp 28

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I ĐTB	HK I XT	HK II ĐTB	HK II XT	Cả năm ĐTB	Cả năm XT	Nhận xét của giáo viên Bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
Ngữ văn	49		50		50		TB	[illegible]
Toán	59		60		59		TB	[illegible]
Lịch sử	66		65		65		Khá	[illegible]
Địa lý	60		71		67		Khá	[illegible]
Vật lý Vệ sinh	43		50		48		Yếu	[illegible]
Hóa Vẽ	62		47		53		TB	[illegible]
Sinh vật	63		68		66		Khá	[illegible]
Kỹ thuật Nữ công	54		58		54		TB	[illegible]
Tiếng nước ngoài	41		49		45		Yếu	[illegible]
Chính trị	62		60		61		TBình	[illegible]
Nhạc								
Thể dục	90		85		87		Giỏi	[illegible]
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	80		80		80		Tốt	[illegible]
	59		59		59		TB	[illegible]

Họ và tên học sinh Lê Xuân Thủy Năm học 1964-1965

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

	Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức	T	T	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Được lên lớp
Văn hóa	TB	TB	TB	
Lao động				
B.V. và R.L.T.T.				
Số ngày nghỉ học P				Điểm thi lại:
Số ngày nghỉ học K				
Danh hiệu thi đua				Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật				

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Khá

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày [illegible] tháng 5 năm 1964

Hiệu trưởng

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Cao Quang Minh

Ngày [illegible] tháng [illegible] năm 1964

Giáo viên phụ trách

(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Đào Thị [illegible]

Lớp 7C số học sinh trong lớp 21

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên Bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	6,4		6,1		6,3		T.Bình	
Toán	6,5		5,9		6,8		T.Bình	
Lịch sử	7,5		7,7		7,6		Khá	
Địa lý	7,2		8,2		7,9		Khá	
Vật lý Vệ sinh	4,9		6,5		6,3		Thường	
Hóa Vẽ	4,9		4,9		4,9		Yếu	
Sinh vật	6,4		6,7		6,6		Khá	
Kỹ thuật Nữ công	5,7		7,0		6,5		Khá	
Tiếng nước ngoài	5,4		5,2		5,3		TB	
Chính trị	6,5		8,3		7,3		Khá	
Nhạc								
Thể dục	6,5		7,9		7,4		Khá	
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	7,9		6,6		6,2		TB	

Họ và tên học sinh Lê Đình Thường Năm học 1991-92

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	Khá	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Tiên Tiến
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Khá

Về văn hóa: TBình

Về lao động: TGT

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày 15 tháng 5 năm 1992
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 13 tháng 5 năm 1992
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lương Văn Mai

Lớp..... *số học sinh trong lớp*.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA – CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên Bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn								
Toán								
Lịch sử								
Địa lý								
Vật lý Vệ sinh								
Hóa Vẽ								
Sinh vật								
Kỹ thuật Nữ công								
Tiếng nước ngoài								
Chính trị								
Nhạc								
Thể dục								
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động								

Họ và tên học sinh..... *Năm học 19 – 19 –*

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC – KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa					
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức:

Về văn hóa:

Về lao động:

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày.....*tháng*.....*năm 19*.....
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày.....*tháng*.....*năm 19*.....
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỌC BẠ

1 — Học bạ là cuốn sổ gốc ghi kết quả học tập và rèn luyện của mỗi học sinh từ khi được nhận vào học đến khi thôi học hoặc ra trường trong cả bậc phổ thông cơ sở. Học bạ có 24 trang, đánh số từ 1 đến 24 (không kể 4 trang bìa). Học bạ do nhà trường lập bảo quản, và trả lại cho học sinh khi thôi học hoặc tốt nghiệp ra trường.

2 — Việc ghi chép trong học bạ phải đầy đủ rõ ràng các mục theo quy chế hiện hành và theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục, phải ghi kịp thời cuối mỗi tháng (với cấp I) cuối mỗi học kỳ và cuối năm học (với cấp I, cấp II). Tuyệt đối không được tẩy, xóa lấp hẳn hoặc chữa đè lên những chữ số và chữ viết trong học bạ. Nếu cần sửa chữa giáo viên gạch một gạch bỏ và dùng mực đỏ viết bên cạnh hoặc bên trên và hiệu trưởng phải đóng dấu xác nhận. Học sinh không được viết, ghi điểm vào học bạ.

3 — Mỗi năm học có 2 trang học bạ: trang 1 ghi kết quả điểm số và xếp thứ tự (đối với cấp II có nhận xét của giáo viên dạy bộ môn), trang 2 ghi kết quả xếp loại và nhận xét của giáo viên chủ nhiệm và hiệu trưởng. Điểm số, xếp thứ và xếp loại phải ghi chính xác. Nhận xét phải vừa tổng quát, vừa cụ thể, tóm tắt và làm nổi bật lên được những khả năng, ưu điểm, khuyết điểm, nhược điểm của học sinh.

Về đạo đức: Ý thức học tập, rèn luyện; ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống văn minh (bao gồm cả mối quan hệ với mọi người).

Về học tập: Trình độ nắm kiến thức: kỹ năng vận dụng kiến thức, thực hành; sự phát triển tư duy, phương pháp học tập.

Về bảo vệ rèn luyện thân thể: Nền nếp thói quen giữ vệ sinh, tập thể dục: sự phát triển về thể lực, tình trạng bệnh tật; kết quả rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn.

Về lao động: Nền nếp thói quen trong lao động trình độ nắm và vận dụng kỹ thuật và kỹ năng lao động.

Sau cùng có nhận xét chung, ghi một nhận xét bao quát về học sinh trong cả một năm học.

Chú ý: Ở trang 1 đối với cấp I thang điểm ghi theo các tháng dương lịch. Một năm có 9 tháng học. Tháng thứ 5 tính vào học kỳ II. Các mặt đạo đức, R.L T.T. lao động đều tính điểm trung bình, xếp thứ từng học kỳ và cả năm.

BỘ GIÁO DỤC

(Số CC 82)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

BỘ GIÁO DỤC

HỌC BẠ

BẬC HỌC PHỔ THÔNG CƠ SỞ

Trường: P.T.CS Nghĩa phường 2

Quận, huyện: Tư Nghĩa

Tỉnh, Thành phố: Nghĩa Bình

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH: LÊ VÕ TUY TRINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

HỌC BẠ

Họ và tên học sinh: Lê Võ Thụy Tình

Nam hay nữ: Nữ sinh ngày: mười

(viết bằng chữ) ..... tháng: Sáu

năm một nghìn chín trăm: bảy ba

Tại: Khu vực Nghĩa phường - Tư Nghĩa - Nghĩa Bình

Con ông: Lê Tánh nghề nghiệp: Nông

và bà: Võ Hoàng Liên nghề nghiệp: Nông

Địa chỉ (nếu thay đổi, ghi bổ sung) .....

Ngày 10 tháng 5 năm 1982

Hiệu trưởng

(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Năm học	Ngày vào học	Số đăng ký	Lớp	Ngày thôi học hoặc chuyển trường (ghi rõ lý do)
19 — 19				
1981 — 1982			Hai	
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				

Lớp Hai — số học sinh trong lớp 36

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	8	6	7	4	4	
II	6	5	5	4	4	

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	4,6	5,4	6	6	6	5	5	5
Tháng thứ 2	4,3	4,8	6	6	6	5	5	5
Tháng thứ 3	5,3	4,8	6	6	5	5	5	5
Tháng thứ 4	4,9	5,0	6	6	5	5	5	6
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng	5,3	5,0						
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ	5,8							
ĐTB học kỳ	5,3	4,8	6	6	5,4	5,0	5	5,2
Xếp thứ	30	27						
Đ.T.B. cả năm	5,0		6		5,2		5,1	
Xếp thứ	22		14		17		26	

Họ và tên học sinh Võ Thị Thanh Năm học 19[illegible]/19[illegible]

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm
Đạo đức		K	K	K
Văn hóa		TB	TB	TB
Lao động		TB	TB	TB
B.V và R.L.T.T.		K	K	K
Số ngày nghỉ học	P	2	0	2
	K	1	2	3
Danh hiệu thi đua				
Kỷ luật				

Kết quả: Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:

Điểm thi lại:

Kết quả rèn luyện thêm:

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Ngoan

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Trung bình

Về B.V và R.L.T.T.: Ngoan

Ngày 26 tháng 5 năm 1982
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày [illegible] tháng 5 năm 19[illegible]
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp _____ *số học sinh trong lớp* _____

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I						
II						

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1								
Tháng thứ 2								
Tháng thứ 3								
Tháng thứ 4								
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng								
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ								
ĐTB học kỳ								
Xếp thứ								
Đ.T.B. cả năm								
Xếp thứ								

Họ và tên học sinh _____ *Năm học 19*__ 19__

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa					
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức :

Về văn hóa :

Về lao động :

Về B.V. và R.L.T.T. :

Ngày ___ *tháng* ___ *năm 19*___
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày ___ *tháng* ___ *năm 19*___
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp Ba số học sinh trong lớp

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	7	4	6	2	5	
II	7	9	5	1	7	

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	4,7	5,3	6	8	7	6	8	8
Tháng thứ 2	4,5	4,9	7	6	7	7	8	8
Tháng thứ 3	5,2	5,1	6	7	8	6	8	9
Tháng thứ 4	5,4	5,8	7	6	7	6	8	8
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng	4,9	5,3						
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ	4,8	5,8						
ĐTB học kỳ	4,9	5,6	6,5	6,8	7,3	6,3	8	8,3
Xếp thứ	30	22			21	29	8	4
Đ.T.B. cả năm	5,4		6,7		6,6		8,2	
Xếp thứ	26				29		6	

Họ và tên học sinh Võ Tuấn Trung Năm học 19~~82~~ - 19 83

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	Khá	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:
Văn hóa		Yếu	TB	TB	
Lao động		Khá	TB	Khá	
B.V. và R.L.T.T.		Tốt	Tốt	Tốt	
Số ngày nghỉ học	P	1	—	1	
	K	13	5	18	Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua		C		C	Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật		K		TB	

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Khá, ngoan

Về văn hóa: trung bình có cố gắng

Về lao động: Khá

Về B.V. và R.L.T.T: Tốt, ăn mặc sạch, đẹp

Ngày ___ tháng ___ năm 19___
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 26 tháng 5 năm 1983
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Võ Thị Lê Dung

Lớp 4E số học sinh trong lớp 51

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	6	6	4	3	5	6
II	6	7	6	5	5	3

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V và R.L.T.T	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	5,5	5,9	7	9	6,9	6,9	7	7
Tháng thứ 2	5,5	6,1	7	9	6,9	6,9	7	7
Tháng thứ 3	3,7	5,5	7	9	6,9	6,9	7	7
Tháng thứ 4	6,8	5,3	7	9	6,9	6,9	7	7
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng	5,4	5,7						
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ	5,0	5,2						
ĐTB học kỳ	5,2	5,5	7	9	6,9	6,9	7,0	7,0
Xếp thứ	47	35						
Đ.T.B. cả năm	54		8,0		6,9		7,0	
Xếp thứ	37				34		28	

Họ và tên học sinh Cù Quỳnh Năm học 1983 1984

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	Tốt	Tốt	Được lên lớp hay ở lại, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		Khá	Khá	Khá	
B.V. và R.L.T.T.		Khá	Khá	Khá	
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức : Khá, vâng lời, lễ phép.

Về văn hóa : Trung bình.

Về lao động : Khá, tham gia hăng hái.

Về B.V. và R.L.T.T. : Khá, ăn mặc, sạch, đẹp.

Ngày 16 tháng 5 năm 1984 — Hiệu trưởng (Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 10 tháng 5 năm 1984 — Giáo viên phụ trách (Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Lớp Năm số học sinh trong lớp 46

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	5	6	5	2	5	5
II	5	5	5	3	5	5

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	5.5	5.3	6	5	6	8	8.5	8
Tháng thứ 2	5.0	5.1	7	7	7	7	7	8
Tháng thứ 3	5.5	5.8	7	5	6	8	7	7
Tháng thứ 4	6.3	5.4	7	7	6	7	7	7
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng	5.7	4.9						
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ	4.7	4.7						
ĐTB học kỳ	5.1	4.8	5.2	4.5	6.2	7.5	7.0	7.5
Xếp thứ	29	45			46	34	36	32
Đ.T.B. cả năm	4.5		4.7		7.1		7.3	
Xếp thứ	45				40		34	

Họ và tên học sinh [illegible] Năm học 1954-1955

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	Khá	TB	Được lên lớp hay ở lại năm, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè: Ghi lên lớp
Văn hóa		Yếu	Yếu	Yếu	
Lao động		TB	Khá	Khá	
B.V. và R.L.T.T.		Khá	Khá	Khá	
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức: Trung bình, không biểu hiện gì tốt, xấu.

Về văn hóa: Yếu. Yếu cả các môn, nhất là môn toán.

Về lao động: Khá, chăm làm tốt.

Về B.V. và R.L.T.T.: Khá, ăn mặc sạch sẽ.

Ngày ___ tháng ___ năm 19___ Hiệu trưởng (Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 20 tháng 5 năm 1955 Giáo viên phụ trách (Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lê Tấn Thành

Trần Thị Kim Phúc

Lớp _____ *số học sinh trong lớp* _____

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I						
II						

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1								
Tháng thứ 2								
Tháng thứ 3								
Tháng thứ 4								
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng								
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ								
ĐTB học kỳ								
Xếp thứ								
Đ.T.B. cả năm								
Xếp thứ								

Họ và tên học sinh _____ *Năm học 19__ 19__*

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa					
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức :

Về văn hóa :

Về lao động :

Về B.V. và R.L.T.T. :

Ngày ___ *tháng* ___ *năm 19__*
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày ___ *tháng* ___ *năm 19__*
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp 6E số học sinh trong lớp 47

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	4,5		4,9		4,8		Yếu	
Toán	4,5		5,3		5,0		Trung bình	
Lịch sử	6,2		5,8		5,9		Trung bình	
Địa lý	55		40		45		yếu	
Vật lý Vệ sinh								
Hóa Vẽ								
Sinh vật	70		66		68		TB	
Kỹ thuật Nữ công	57		55		56		TB	
Tiếng nước ngoài								
Chính trị	72		70		71		Khá	
Nhạc								
Thể dục								
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	80		80		80		Tốt	

Họ và tên học sinh Lê Thị Thu Hằng Năm học 1985 1986

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	Khá	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè : Được lên lớp
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V và R.L.T.T.		Tốt	Tốt	Tốt	
Số ngày nghỉ học	P				
	K		1		Điểm thi lại : 0
Danh hiệu thi đua			—	—	Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật			—	—	

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức : Trong lớp cần yên lặng, chú ý nghe giảng

Về văn hóa : Cố gắng, dự học kỹ

Về lao động : Nhiệt tình

Về B.V. và R.L.T.T. Tích cực

Về năng lực chuyên biệt :

Ngày 31 tháng 5 năm 1986
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)
Bùi Quang Minh

Ngày 22 tháng 5 năm 1986
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp 8 số học sinh trong lớp

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	53		51		52		T.B	
Toán	50		48		49		Yếu	
Lịch sử	54		68		66		Trung bình	
Địa lý	68		85		78		Khá	
Vật lý Vệ sinh	40		66		57		TB	
Hóa Vẽ								
Sinh vật	60		53		55		Trung bình	
Kỹ thuật Nữ công	70		80		76			
Tiếng nước ngoài	46		51		48		Yếu	
Chính trị	62		64		65		Trung bình	
Nhạc								
Thể dục	62		71		68		Khá	
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	80		80		80		Tốt	

Họ và tên học sinh Lê Võ Tuy Trinh Năm học 198 - 198

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè : Được lên lớp
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.		Tốt	Tốt	Tốt	
Số ngày nghỉ học	P	2		2	
	K		2	2	Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức: Tốt

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T. Tốt

Về năng lực chuyên biệt:

Ngày 30 tháng 5 năm 198

Hiệu trưởng

(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 22 tháng 05 năm 198

Giáo viên chủ nhiệm

(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Trần Thị Cẩ

Lớp 8D số học sinh trong lớp 1C1

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	H K I		H K II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	46		46		46		Yếu	[illegible]
Toán	61		65		64		TBình	[illegible]
Lịch sử	57		66		65		Trung	[illegible]
Địa lý	62		69		63		Khá	[illegible]
Vật lý Vệ sinh	35		52		45		Yếu	[illegible]
Hóa Vẽ	43		47		46		Yếu	[illegible]
Sinh vật	51		56		60		TB	[illegible]
Kỹ thuật Nữ công	68		74		72		Khá	[illegible]
Tiếng nước ngoài								
Chính trị	62		64		63		TBình	[illegible]
Nhạc								
Thể dục	70		61		64		TB	[illegible]
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	55		70		65		Khá	[illegible]

Họ và tên học sinh [illegible] Năm học 19[illegible]/19[illegible]

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		TB	Khá	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè : Được lên lớp
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		TB	Khá	Khá	
B.V. và R.L.T.T.		Khá	Khá	Khá	
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức : Khá

Về văn hóa : Trung bình

Về lao động : Khá

Về B.V. và R.L.T.T. Khá

Về năng lực chuyên biệt

Ngày [illegible] tháng 5 năm 19[illegible]
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày [illegible] tháng 5 năm 19[illegible]
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp 9D số học sinh trong lớp

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	33		44		40		Yếu	
Toán	39		53		48		Yếu	
Lịch sử	42		76		64		TBình	
Địa lý	70		37		48		Yếu	
Vật lý Vệ sinh	48		40		43		Yếu	
Hóa Vẽ	17		64		48		Yếu	
Sinh vật	56		62		60		TBình	
Kỹ thuật Nữ công	70		75		73		Khá	
Tiếng nước ngoài								
Chính trị	62		60		61		TBình	
Nhạc								
Thể dục	62		71		68		Khá	
B.V. và R.L.T.T.	70		70		70		Khá	
Lao động	78		78		78		Khá	

Họ và tên học sinh Võ Thị Thanh Năm học 19[illegible] - 19[illegible]

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	Khá	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa		Yếu	Yếu	Yếu	
Lao động		Khá	Khá	Khá	
B.V. và R.L.T.T.		Khá	Khá	Khá	
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức : Khá

Về văn hóa : Yếu

Về lao động : Khá

Về B.V. và R.L.T.T. : Khá

Về năng lực chuyên biệt :

Ngày 15 tháng 5 năm 19[illegible]
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 15 tháng 5 năm 19[illegible]
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp _____ *số học sinh trong lớp* _____

XÉT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	H K I		H K II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn								
Toán								
Lịch sử								
Địa lý								
Vật lý Vệ sinh								
Hóa Vẽ								
Sinh vật								
Kỹ thuật Nữ công								
Tiếng nước ngoài								
Chính trị								
Nhạc								
Thể dục								
B.V và R.L.T.T.								
Lao động								

Họ và tên học sinh _____ *Năm học 19__ 19__*

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa					
Lao động					
B.V và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức :

Về văn hóa :

Về lao động :

Về B.V và R.L.T.T. :

Về năng lực chuyên biệt :

Ngày ___ *tháng* ___ *năm 19*__
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày ___ *tháng* ___ *năm 19*__
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỌC BẠ

1— Học bạ là tuyển sổ gốc ghi kết quả học tập và rèn luyện của mỗi học sinh từ khi được nhận vào học đến khi thôi học hoặc ra trường trong cả bậc phổ thông cơ sở. Học bạ có 24 trang, đánh số từ 1 đến 24 (không kể 4 trang bìa). Học bạ do nhà trường lập bảo quản, và trả lại cho học sinh khi thôi học hoặc tốt nghiệp ra trường.

2— Việc ghi chép trong học bạ phải đầy đủ rõ ràng các mục theo quy chế hiện hành và theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục, phải ghi kịp thời cuối mỗi tháng (với cấp I) cuối mỗi học kỳ và cuối năm học (với cấp I, cấp II). Tuyệt đối không được tẩy, xóa lấp hẳn hoặc chữa đè lên nhưng chữ số và chữ viết trong học bạ. Nếu cần sửa chữa giáo viên gạch một gạch bỏ và dùng mực đỏ viết bên cạnh hoặc bên trên và hiệu trưởng phải đóng dấu xác nhận. Học sinh không được viết, ghi điểm vào học bạ.

3— Mỗi năm học có 2 trang học bạ : trang 1 ghi kết quả điểm số và xếp thứ tự (đối với cấp II có nhận xét của giáo viên dạy bộ môn), trang 2 ghi kết quả xếp loại và nhận xét của giáo viên chủ nhiệm và hiệu trưởng. Điểm số, xếp thứ và xếp loại phải ghi chính xác. Nhận xét phải vừa tổng quát, vừa cụ thể, tóm tắt và làm nổi bật lên được những khả năng, ưu điểm, khuyết điểm, nhược điểm của học sinh.

Về đạo đức : Ý thức học tập, rèn luyện ; ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống văn minh (bao gồm cả mối quan hệ với mọi người).

Về học tập : Trình độ nắm kiến thức ; kỹ năng vận dụng kiến thức, thực hành ; sự phát triển tư duy, phương pháp học tập.

Về bảo vệ rèn luyện thân thể : Nền nếp thói quen giữ vệ sinh, tập thể dục ; sự phát triển về thể lực, tình trạng bệnh tật ; kết quả rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn.

Về lao động : Nền nếp thói quen trong lao động trình độ nắm và vận dụng kỹ thuật và kỹ năng lao động.

Sau cùng có nhận xét chung, ghi một nhận xét bao quát về học sinh trong cả một năm học.

Chú ý : Ở trang 1 đối với cấp I tháng điểm ghi theo các tháng dương lịch. Một năm có 9 tháng học. Tháng thứ 5 tính vào học kỳ II. Các mặt đạo đức, R.L.T.T. lao động đều tính điểm trung bình, xếp thứ từng học kỳ và cả năm.

BỘ GIÁO DỤC

(Số CC 82)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC

HỌC BẠ

BẬC HỌC PHỔ THÔNG CƠ SỞ

Trường: Nghĩa phương 2

Quận, huyện: _____

Tỉnh, Thành phố: _____

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

HỌC BẠ

Họ và tên học sinh : [illegible]
Nam hay nữ : Nam sinh ngày [illegible]
(viết bằng chữ) Mùng [illegible] tháng [illegible]
năm một nghìn chín trăm bảy [illegible]
Tại [illegible] Ngô Quyền
Con ông : [illegible] nghề nghiệp Nông
và bà Võ Thị [illegible] nghề nghiệp Nông
Địa chỉ (nếu thay đổi, ghi bổ sung)

Ngày 28 tháng 5 năm 19[illegible]
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Năm học	Ngày vào học	Số đăng ký	Lớp	Ngày thôi học hoặc chuyển trường (ghi rõ lý do)
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				
19 — 19				

Lớp _____ *số học sinh trong lớp* _____

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I						
II						

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1								
Tháng thứ 2								
Tháng thứ 3								
Tháng thứ 4								
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng								
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ								
ĐTB học kỳ								
Xếp thứ								
Đ.T.B. cả năm								
Xếp thứ								

Họ và tên học sinh _____ *Năm học 19* ___ 19 ___

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại lớp, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè
Văn hóa					
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại:
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức:

Về văn hóa:

Về lao động:

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày ___ *tháng* ___ *năm 19* ___
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày ___ *tháng* ___ *năm 19* ___
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp _____ số học sinh trong lớp _____

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học văn tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I						
II						

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1								
Tháng thứ 2								
Tháng thứ 3								
Tháng thứ 4								
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng								
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ								
ĐTB học kỳ								
Xếp thứ								
Đ.T.B. cả năm								
Xếp thứ								

Họ và tên học sinh _____ Năm học 19__ 19__

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức					Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa					
Lao động					
B.V. và R.L.T.T.					
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Lượt					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức :

Về văn hóa :

Về lao động :

Về B.V và R.L.T.T. :

Ngày ___ tháng ___ năm 19__
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày ___ tháng ___ năm 19__
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp 3D số học sinh trong lớp 39

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	7	9	8	9	5	
II	8	8	5	8	5	

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	5.7	5.5	8	8	8	8	7	7
Tháng thứ 2	6.5	7.2	8	8	8	8	7	7
Tháng thứ 3	6.9	7.3	8	8	8	8	7	7
Tháng thứ 4	7.1	7.3	8	8	8	8	7	7
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng	6.5	6.6						
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ	7.6	6.8						
ĐTB học kỳ	7.1	6.7	8	8	8	8	7	7
Xếp thứ	2	4	1	1	1	1	12	12
Đ.T.B. cả năm	6.9		8		8		7	
Xếp thứ	3		1		1		12	

Họ và tên học sinh [illegible] Năm học 1981 - 1982

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		T	T	T	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa		T	T	T	
Lao động		T	T	T	
B.V. và R.L.T.T.		K	K	K	
Số ngày nghỉ học	P	2	0	2	
	K	0	0	0	Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức : Tốt, ngoan

Về văn hóa : Tốt, chăm,

Về lao động : Tốt

Về B.V. và R.L.T.T. : Khá

Ngày 15 tháng 5 năm 1982
P. Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 25 tháng 5 năm 1982
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)
Lý Duy Hiền

Lớp 1E ..... số học sinh trong lớp .....

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	7	5	5	9	4	5
II	7	5	6	5	5	7

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T	
Học kỳ	I	II	I	II	I	II	I	II
Tháng thứ 1	5.8	6.3	8	8	7	7	7	7
Tháng thứ 2	5.8	6.7	8	8	7	7	7	7
Tháng thứ 3	6.3	6.3	8	8	7	7	7	7
Tháng thứ 4	5.8	6.6	8	8	7	7	7	7
Tháng thứ 5								
Đ.T.B. các tháng	5.9	6.5						
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ	6	6						
ĐTB học kỳ	6.1	6.3	8	8	7	7	7	7
Xếp thứ	11	10	1	1	20	20	20	20
Đ.T.B. cả năm	6.2		8		7		7	
Xếp thứ	10		1		20		20	

Họ và tên học sinh Lê Văn Tú Năm học 1982-1983

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		T	T	T	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa		T.B	T.B	T.B	
Lao động		K	K	K	
B.V. và R.L.T.T.		K	K	K	
Số ngày nghỉ học	P	2		2	
	K		1	1	Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức : Tốt, ngoan.

Về văn hóa : Trung bình

Về lao động : Khá

Về B.V. và R.L.T.T. : Khá

Ngày 25 tháng 5 năm 1983
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 20 tháng 5 năm 1983
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lý Duy Hải

Lớp 5 — số học sinh trong lớp 49

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	6	7	5	5	6	5
II	5	5	5	5	6	5

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Môn giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T.	
	I	II	I	II	I	II	I	II
T[illegible]		60						
[illegible]		60						
Th[illegible]		61						
Th[illegible]		[illegible]						
[illegible] 5								
Đ.T.B [illegible]		61						
Đ.T.B các bài K.T [illegible] cuối học [illegible]	[illegible]	56						
Đ[illegible] học kỳ	[illegible]	57						
Xếp thứ	15	18						
Đ.T.B. cả năm								
Xếp thứ								

Họ và tên học sinh Lê Văn Cử — Năm sinh 19[illegible]

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm
Đạo đức				
Văn hóa				
Lao động				
B.V. và R.L.T.T.				
Số ngày nghỉ học	P			
	K			
Danh hiệu thi đua				
Kỷ luật				

Được lên lớp nay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè:

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Về đạo đức:

Về văn hóa:

Về lao động:

Về B.V. và R.L.T.T.:

Ngày ___ tháng ___ năm 19___
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày ___ tháng ___ năm 19___
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, ký)

Lớp 5G số học sinh trong lớp 4

ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ

Học kỳ	Học vần tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Câu hỏi thường thức
I	6	7	5	5	6	5
II	5	5	5	5	6	5

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA VÀ CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các mặt giáo dục	Văn hóa		Đạo đức		Lao động		B.V. và R.L.T.T	
Học kỳ	I	II	I	II	I		I	II
Tháng thứ 1	65	60	7	7	7	7	7	7
Tháng thứ 2	64	60	7	7	7	7	7	7
Tháng thứ 3	57	61	7	7	7	7	7	7
Tháng thứ 4	67	61	7	7	7	7	7	7
Tháng th								
Đ.T.B. các tháng	61	61						
Đ.T.B. các bài K.T. cuối học kỳ	58	51						
ĐTB học kỳ	60	56	7	7	7	7	7	7
Xếp thứ	15	21						
Đ.T.B. cả năm	57		7		7		7	
Xếp thứ	18							

Họ và tên học sinh Lê Thanh Tú Năm học 1983 1984

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		K	K	K	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		K	K	K	
B.V. và R.L.T.T.		K	K	K	
Số ngày nghỉ học	P	3	2	5	
	K	4	2	6	Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP

Về đạo đức : Tốt, ngoan

Về văn hóa : Trung bình, cố gắng thêm về môn Toán

Về lao động : Tham gia đều

Về B.V. và R.L.T.T. : gọn, sạch sẽ

Ngày 18 tháng 5 năm 1984
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 17 tháng 5 năm 1984
Giáo viên phụ trách
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)
Nguyễn Văn Thái

Lớp 6 7 Số học sinh trong lớp 49

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	6.5		6.6		5.5		Khá	
Toán	5.6		5.4		5.4		T. Bình	
Lịch sử	3.8		5.5		5.0		T. Bình	
Địa lý	5,4		6.0		5.8		T. bình	
Vật lý Vệ sinh								
Hóa Vẽ								
Sinh vật	6,5		5,1		5,6		Trung bình	
Kỹ thuật Nữ công	6.0		7.2		6.6		Khá	
Tiếng nước ngoài	5,0		4,4		4,6		Yếu	
Chính trị	4.4		5.0		4.8		Trung bình	
Nhạc								
Thể dục								
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	5.0		8.0		8.0		Tốt	

Họ và tên học sinh Lê Võ Anh Tú Năm học 1984 1985

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè : Được lên lớp
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.		Khá	Khá	Khá	
Số ngày nghỉ học	P	1	1	2	
	K	02	1	3	Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức : Chấp hành nội qui, kỷ luật tốt

Về văn hóa : Trung bình

Về lao động : Tốt

Về B.V. và R.L.T.T. : Khá

Về năng lực chuyên biệt :

Ngày 1 tháng 6 năm 1985
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 15 tháng 5 năm 1985
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Bùi Thị Phương Mai

Lớp 7E — số học sinh trong lớp 45

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	H.K I		H.K II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	50		51		50		Thường	[illegible]
Toán	36		60		52		Thường	[illegible]
Lịch sử	60		36		44		Yếu	[illegible]
Địa lý	78		58		62		Thường	Nguyễn Anh
Vật lý Vệ sinh	48		48		48		Yếu	[illegible]
Hóa Vẽ								
Sinh vật	60		70		66		Khá	[illegible]
Kỹ thuật Nữ công	60		62		61		Thường	[illegible]
Tiếng nước ngoài	50		43		45		Yếu	[illegible]
Chính trị	42		65		55		Thường	[illegible]
Nhạc								
Thể dục								
B.V. và R.L.T.T.								
Lao động	90		90		90		tốt	[illegible]

Họ và tên học sinh [illegible] Năm học 1985-1986

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	TB	TB	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè : Lên lớp
Văn hóa		TB	TB	TB	
Lao động		tốt	tốt	tốt	
B.V. và R.L.T.T.		tốt	tốt	tốt	
Số ngày nghỉ học	P	2	2	4	
	K	3	4	7	Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức : trung bình

Về văn hóa : trung bình

Về lao động : tốt

Về B.V. và R.L.T.T. : tốt

Về năng lực chuyên biệt :

Ngày 7 tháng 5 năm 1986
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 22 tháng 5 năm 1986
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)
Bùi T. Phương Oanh

Lớp 5D ; số học sinh trong lớp 51

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	45		40		41		Yếu	[illegible]
Toán	41		56		51		TB	[illegible]
Lịch sử	57		70		66		Khá	[illegible]
Địa lý	56		60		59		TB	
Vật lý Vệ sinh	32		50		44		Yếu	[illegible]
Hóa Vẽ	56		57		57		T. Bình	[illegible]
Sinh vật	56		54		55		T. Bình	[illegible]
Kỹ thuật Nữ công	35		36		48		Yếu	[illegible]
Tiếng nước ngoài	36		30		32		Yếu	[illegible]
Chính trị	62		60		61		T. Bình	[illegible]
Nhạc								
Thể dục	57		80		72		Khá	
B.V và R.L.T.T.								
Lao động	75		90		85		tốt	[illegible]

Họ và tên học sinh [illegible] năm học 1956 - 1957

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		TB	Khá	Khá	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè : thi ngoại ngữ + Lao 3
Văn hóa		Yếu	Yếu	Yếu	
Lao động		Khá	tốt	tốt	
B.V và R.L.T.T.		tốt	tốt	tốt	
Số ngày nghỉ học	P	1	1	2	
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm : cần lỗ
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức : Khá

Về văn hóa : Yếu

Về lao động : tốt

Về B.V và R.L.T.T. : tốt

Về năng lực chuyên biệt :

Ngày [illegible] tháng 5 năm 1957
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 25 tháng 5 năm 1957
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp ____ Số học sinh trong lớp ____

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	49		52		51		TB	[illegible]
Toán	51		50		50		TBình	[illegible]
Lịch sử	5.5		6.0		5.8		TBình	[illegible]
Địa lý	62		55		57		TBình	[illegible]
Vật lý Vệ sinh	50		47		48		Yếu	[illegible]
Hóa Vẽ	90		69		76		Khá	[illegible]
Sinh vật	61		65		64		TB	[illegible]
Kỹ thuật Nữ công	70		54		59		TB	[illegible]
Tiếng dân tộc								
Chính trị	68		68		68		Khá	[illegible]
Nhạc								
Thể dục	66		79		75		Khá	[illegible]
Đ.V và [illegible]								
Lao động	9.0		9.0		9.0		Tốt	[illegible]

20

Họ và tên học sinh ____ Năm học 19[illegible]/19[illegible]

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kỳ I	Học kỳ II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Tốt	Tốt	Tốt	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại phải rèn luyện thêm trong hè: Được lên lớp
Văn hóa		TBình	TBình	TBình	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.		Tốt	Tốt	Tốt	
Số ngày nghỉ học	P.	0		0	
	K	2	2	4	Hiểm thi lại
Danh hiệu thi đua				[illegible]	Kết quả rèn luyện thêm:
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức: Tốt

Về văn hóa: Trung bình

Về lao động: Tốt

Về B.V. và R.L.T.T.: Tốt

Về năng lực chuyên biệt:

Ngày 7 tháng 6 năm 19[illegible]
Hiệu trưởng
(Ký rõ họ, tên và đóng dấu)

Ngày 16 tháng 5 năm 19[illegible]
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

Lớp 9B số học sinh trong lớp 28

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA — CÁC MẶT GIÁO DỤC

Các môn học	HK I		HK II		Cả năm		Nhận xét của giáo viên bộ môn	Chữ ký giáo viên bộ môn
	ĐTB	XT	ĐTB	XT	ĐTB	XT		
Ngữ văn	45		45		44		Yếu	
Toán	49		45		49		Yếu	
Lịch sử	62		72		69		Khá	
Địa lý	67		54		58		TBình	
Vật lý Vệ sinh	65		46		52		TBình	
Hóa Vẽ	50		51		51		TBình	
Sinh vật	53		58		56		TBình	
Kỹ thuật Nữ công	61		59		60		TBình	
Tiếng nước ngoài								
Chính trị	50		55		53		TBình	
Nhạc								
Thể dục	78		53		65		Khá	
B.V. và R.L.T.T.	70		64		66		Khá	
Lao động	80		82		80		Tốt	

Họ và tên học sinh [illegible] Năm học 1988 1989

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC — KẾT QUẢ CHUNG

		Học kì I	Học kì II	Cả năm	Kết quả
Đạo đức		Khá	TB	TB	Được lên lớp hay ở lại hẳn, hoặc phải thi lại, phải rèn luyện thêm trong hè :
Văn hóa		Yếu	Yếu	Yếu	
Lao động		Tốt	Tốt	Tốt	
B.V. và R.L.T.T.		Khá	TB	Khá	
Số ngày nghỉ học	P				
	K				Điểm thi lại :
Danh hiệu thi đua					Kết quả rèn luyện thêm :
Kỷ luật					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức : TBình

Về văn hóa : Yếu

Về lao động : Tốt

Về B.V. và R.L.T.T. : Khá

Về năng lực chuyên biệt :

Ngày 15 tháng 5 năm 1989
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ, tên, ký và đóng dấu)

Ngày 15 tháng 5 năm 1989
Giáo viên chủ nhiệm
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỌC BẠ

1 — Học bạ là cuốn sổ gốc ghi kết quả học tập và rèn luyện của mỗi học sinh từ khi được nhận vào học đến khi thôi học hoặc ra trường trong cả bậc phổ thông cơ sở. Học bạ có 24 trang, đánh số từ 1 đến 24 (không kể 4 trang bìa). Học bạ do nhà trường lập bảo quản, và trả lại cho học sinh khi thôi học hoặc tốt nghiệp ra trường.

2 — Việc ghi chép trong học bạ phải đầy đủ rõ ràng các mục theo quy chế hiện hành và theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục, phải ghi kịp thời cuối mỗi tháng (với cấp I) cuối mỗi học kỳ và cuối năm học (với cấp I, cấp II). Tuyệt đối không được tẩy, xóa lấp hẳn hoặc chữa đè lên những chữ số và chữ viết trong học bạ. Nếu cần sửa chữa giáo viên gạch một gạch bỏ và dùng mực đỏ viết bên cạnh hoặc bên trên và hiệu trưởng phải đóng dấu xác nhận. Học sinh không được viết, ghi điểm vào học bạ.

3 — Mỗi năm học có 2 trang học bạ : trang 1 ghi kết quả điểm số và xếp thứ tự (đối với cấp II có nhận xét của giáo viên dạy bộ môn), trang 2 ghi kết quả xếp loại và nhận xét của giáo viên chủ nhiệm và hiệu trưởng. Điểm số, xếp thứ và xếp loại phải ghi chính xác. Nhận xét phải vừa tổng quát, vừa cụ thể, tóm tắt và làm nổi bật lên được những khả năng, ưu điểm, khuyết điểm, nhược điểm của học sinh.

Về đạo đức : Ý thức học tập, rèn luyện ; ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống văn minh (bao gồm cả mối quan hệ với mọi người).

Về học tập : Trình độ nắm kiến thức ; kỹ năng vận dụng kiến thức, thực hành ; sự phát triển tư duy, phương pháp học tập.

Về bảo vệ rèn luyện thân thể : Nền nếp thói quen giữ vệ sinh, tập thể dục ; sự phát triển về thể lực, tình trạng bệnh tật ; kết quả rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn.

Về lao động : Nền nếp thói quen trong lao động trình độ nắm và vận dụng kỹ thuật và kỹ năng lao động.

Sau cùng có nhận xét chung, ghi một nhận xét bao quát về học sinh trong cả một năm học.

Chú ý : Ở trang 1 đối với cấp I tháng điểm ghi theo các tháng dương lịch. Một năm có 9 tháng học. Tháng thứ 5 tính vào học kỳ II. Các mặt đạo đức, R.L.T.T. lao động đều tính điểm trung bình, xếp thứ từng học kỳ và cả năm.

BỘ GIÁO DỤC

(So CC 32)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BỘ GIÁO DỤC

HỌC BẠ

TRƯỜNG PHỔ THÔNG TRUNG HỌC

QUẬN, HUYỆN : TỰ NGHĨA

TỈNH, THÀNH PHỐ : NGHĨA BÌNH

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH LÊ VÕ ANH TUẤN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỌC BẠ

1- Học bạ của học sinh là sổ ghi kết quả học tập, rèn luyện từ lớp 10 đến lớp 12 của mỗi học sinh trong khi học tại trường PTTH. Mỗi sổ gồm 8 trang đánh số từ 1 đến 8 (không kể 4 trang bìa). Khi lập sổ, cần ghi ngay tên học sinh ở ngoài bìa, những mục ở phần trên trang 1 và đóng dấu giáp lai bằng dấu của trường lập sổ từ trang đầu đến trang cuối của học bạ. Học bạ do nhà trường giữ và bảo quản suốt thời gian học sinh đang học tại nhà trường.

2- Khi nhận học sinh vào lớp học, cần ghi năm học, tên lớp, tên trường, số đăng ký ở phần cuối trang 1 sau khi vào sổ đăng ký học sinh. Đầu mỗi năm học ghi ngay năm học và tên lớp học của học sinh. Khi học sinh ra trường (tốt nghiệp, chuyển cấp, chuyển trường, thôi học ...) ghi ngày ra trường, đối chiếu lại giữa học bạ với sổ đăng ký, trước khi trả học bạ cho học sinh.

3- Cuối năm học, giáo viên bộ môn ghi điểm trung bình mỗi học kỳ, cả năm học và ghi lời nhận xét : giáo viên phụ trách các mặt giáo dục và giáo viên chủ nhiệm ghi kết quả xếp loại mỗi học kỳ, cả năm học và ghi lời nhận xét. Lời nhận xét cần được chuẩn bị trước để ghi được vắn tắt, đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

4- Giáo viên chủ nhiệm ghi phần ghi chung cuối năm học, đối chiếu học bạ với sổ gọi tên ghi điểm, bổ sung những mục còn thiếu, đề nghị Hiệu trưởng xác nhận những chỗ có sửa chữa. Hiệu trưởng ghi ý kiến nhận xét về học sinh hoặc chỉ ký tên và đóng dấu để xác nhận toàn bộ kết quả và những lời nhận xét về học tập, rèn luyện của các giáo viên đã ghi ở cả 2 trang trong một năm học.

5- Việc ghi chép trong học bạ phải đầy đủ rõ ràng, cẩn thận, sạch sẽ. Tuyệt đối không được tẩy, xóa lấp hẳn và chữa đè lên những chữ số và chữ viết trong học bạ. Nếu cần sửa chữa, giáo viên gạch một gạch bỏ và dùng mực đỏ viết bên cạnh hoặc bên trên. Những chỗ sửa chữa phải được Hiệu trưởng ký tên đóng dấu xác nhận. Trái với điều này, học bạ không được coi là hợp lệ.

BỘ GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

HỌC BẠ

Họ và tên học sinh LÊ VÕ ANH TUẤN Nam hay Nữ
Sinh ngày 24 - 06 - 1971
Tại Thôn phú mỹ, xã nghĩa phương huyện từ nghĩa, nghĩa bình
Con ông LÊ TÁNH Nghề nghiệp NÔNG
và bà VÕ THỊ HẰNG LIÊN Nghề nghiệp NÔNG
hay người đỡ đầu Nghề nghiệp
Chỗ ở của cha mẹ hay người đỡ đầu

ngày tháng 9 năm 1985
Hiệu trưởng
(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)

NĂM HỌC	Lớp	TÊN TRƯỜNG (ghi cả tên địa phương)	Số đăng ký	Ngày vào trường	Ngày ra trường
19 86 — 1987		PTTH Từ nghĩa I			
19 87 — 1988		"			
19 88 — 1989		"			
19 — 19					

Họ tên: Lê Anh Tuấn Lớp 10A Số học sinh 10 năm học 1986 — 1987

CÁC MÔN HỌC	Điểm trung bình: Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm học	NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CHỮ KÝ
Văn	41	46	44	Yếu	
Lịch sử	38	55	49	TB yếu	
Địa lý	33	50	44	Yếu	
Tiếng nước ngoài	49	49	49	Yếu	
Chính trị Đạo đức	52	64	60	Đạt	
Toán	6,2	5,8	6,0	Đạt	
Vật lý	61	73	70	Khá	
Hóa học	42	57	53	Trung bình	
Sinh vật	79	69	72	Khá	
Kỹ thuật	57	83	72	Khá	
Thể dục	59	55	56		
Âm nhạc	61	58	59	Trung bình	

Trường phổ thông trung học Trần Nghĩa Lớp 10A Số học sinh 10

Năm học 1986 — 1987

HỌ TÊN HỌC SINH : Lê Anh Tuấn

Các mặt giáo dục	Kết quả xếp loại: Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm học	Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm
Hạnh kiểm	K	K	K	Chăm học có tiến bộ nhưng kết quả vẫn còn yếu. Cần năng hoạt động khai thác tốt.
Văn hóa	Kc	TB	Y	
Lao động	K	K	K	
Thể dục vệ sinh sức khỏe	TB	K	K	
Mỹ dục				

Ngày 20 tháng 5 năm 1987

Họ tên và chữ ký của giáo viên chủ nhiệm

Võ Duy Quang

PHẦN GHI CHUNG VÀO CUỐI NĂM HỌC

— Khen thưởng và kỷ luật :

— Những môn học phải thi lại và kết quả thi lại : Lý 8 Hóa 5

— Số ngày nghỉ học { Có xin phép : Không xin phép :

— Quyết định được lên lớp hay ở lại lớp : Lên lớp

— Ý kiến nhận xét chung của hiệu trưởng :

Ngày tháng năm 198

Hiệu trưởng

(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Họ tên Lê Văn Tuấn Lớp 11B Số học sinh 35 năm học 19 87 — 19 88

CÁC MÔN HỌC	Điểm trung bình Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm học	NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CHỮ KÝ
Văn	41	49	46	Yếu	
Lịch sử	60	52	55	TBình	
Địa lý	5.5	4.4	4.8		
Tiếng nước ngoài	5.5	5.5	5.5	TBình	
Chính trị	52	60	65		
Đạo đức	55	56	56	TBình	
Toán	51	66	61	TBình	
Vật lý	58	50	53	Kém	
Hóa học	48	67	61	Cố gắng hơn	
Sinh vật	43	53	50	TBình	
Kỹ thuật CN		57	57	TBình	
Thể dục	53	5,4	5,7	TB	
KTN	53	78	70	Khá	

Trường phổ thông trung học Số 1 Tiên Phước

Lớp 11B Số học sinh 35

Năm học 19 87 — 19 88

HỌ TÊN HỌC SINH : Lê Văn Tuấn

Các mặt giáo dục	Kết quả xếp loại Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm học
Hạnh kiểm	T	K	K
Văn hóa	TB	TB	TB
Lao động	K	K	K
Thể dục vệ sinh sức khỏe	K	K	K
Mỹ dục			

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm

- Học lớp có nhiều cố gắng
- Đạo đức ngoan, lễ phép
- LĐ: tích cực
- RL: thường xuyên, tích cực

Ngày 11 tháng 5 năm 1988

(Họ tên và chữ ký của giáo viên chủ nhiệm)

NGUYỄN DƯƠNG HÙNG

PHẦN GHI CHUNG VÀO CUỐI NĂM HỌC

— Khen thưởng và kỷ luật :

— Những môn học phải thi lại và kết quả thi lại :

— Số ngày nghỉ học { Có xin phép : 1 / Không xin phép : 2

— Quyết định được lên lớp hay ở lại lớp :

— Ý kiến nhận xét chung của hiệu trưởng :

Ngày 11 tháng 5 năm 1988

Hiệu trưởng

(Chữ ký và đóng dấu)

Họ tên [illegible] Lớp 9G Số học sinh 46 năm học 1988 — 1989

CÁC MÔN HỌC	Điểm trung bình Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm học	NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CHỮ KÝ
Văn	4.3	5.2	[illegible]	Còn yếu	[illegible]
Lịch sử	5.1	5.2	5.2	TB	[illegible]
Địa lý	5.1	5.7	5.5	Đức	[illegible]
Tiếng nước ngoài	3.7	5.4	4.8	Còn yếu	[illegible]
Chính trị Đạo đức	6.0 5.6	6.5 5.5	6.5 5.5	Khá. Khá	[illegible]
Toán	5.4	7.1	6.5	Có tiến bộ	[illegible]
Vật lý	5.5	6.8	6.5	Khá - Giỏi	[illegible]
Hóa học	6.1	6.3	6.2	Học chăm	[illegible]
Sinh vật	4.3	6.0	5.4	Đều	[illegible]
Kỹ thuật CN	6.9		6.9	Đạt	[illegible]
Thể dục	4.6	6.7	6.0	Đều —	[illegible]
KTNN	6.8	4.5	5.3	Đạt	[illegible]

Trường phổ thông trung học [illegible]

Lớp 12G SS học sinh 45

Năm học 1988 — 1989

HỌ TÊN HỌC SINH : Lê Võ Anh Tuấn

Các mặt giáo dục	Kết quả xếp loại Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm học
Hạnh kiểm	Khá	Khá	Khá.
Văn hóa	Yếu	TB	TB
Lao động	Khá	Khá	Khá
Thể dục vệ sinh sức khỏe	TB	Khá	Khá
Mỹ dục			

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm

Hiền, ngoan, có tiến bộ. Ý thức tốt hơn. Cần phấn đấu hơn chút nữa.

Ngày 10 tháng 5 năm 1989

(Họ tên và chữ ký của giáo viên chủ nhiệm)

[illegible]

PHẦN GHI CHUNG VÀO CUỐI NĂM HỌC

— Khen thưởng và kỷ luật :

— Những môn học phải thi lại và kết quả thi lại : [illegible]

— Số ngày nghỉ học { Có xin phép : 1 / Không xin phép : [illegible]

— Quyết định được lên lớp hay ở lại lớp : Được lên lớp

— Ý kiến nhận xét chung của hiệu trưởng :

Ngày 12 tháng 6 năm 1989

Hiệu trưởng

(Chữ ký và đóng dấu)

[illegible]

Họ tên _____ Lớp ___ Số học sinh _____ năm học 19___ — 19___

CÁC MÔN HỌC	Đánh giá trung bình			NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CHỮ KÝ
	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm học		
Văn					
Lịch sử					
Địa lý					
Thông nước ngoài					
Chính trị Đạo đức					
Toán					
Vật lý					
Hóa học					
Sinh vật					
Kỹ thuật					
Thể dục					

Trường phổ thông trung học _____

Lớp _____ **Số học sinh** _____

Năm học 19_____ — 19_____

HỌ TÊN HỌC SINH : _____

Các mặt giáo dục	Kết quả xếp loại			Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm
	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm học	
Hạnh kiểm				
Văn hóa				
Lao động				*Ngày* ____ *tháng* ____ *năm 198* ____ (Họ tên và chữ ký của giáo viên chủ nhiệm)
Thể dục vệ sinh sức khỏe				
Mỹ dục				

PHẦN GHI CHUNG VÀO CUỐI NĂM HỌC

— Khen thưởng và kỷ luật : _____

— Những môn học phải thi lại và kết quả thi lại : _____

— Số ngày nghỉ học { Có xin phép : _____ / Không xin phép : _____

— Quyết định được lên lớp hay ở lại lớp : _____

— Ý kiến nhận xét chung của hiệu trưởng : _____

Ngày ____ *tháng* ____ *năm 198* ____

Hiệu trưởng

(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC

HỌC BẠ

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP I, II

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH: LÊ VÕ VĂN THANH

10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

HỌC BẠ

Họ và tên học sinh : Lê Vũ Vân Thanh Nam, Nữ,
Sinh ngày (viết bằng chữ) : hai mươi hai tháng : năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Tại Nghĩa phương, Nghĩa Hưng, Nghĩa Bình
Con ông Lê Tanh Nghề nghiệp Nông
và bà Võ thị Hoàng Liên Nghề nghiệp Nông
Địa chỉ : (nếu thay đổi ghi bổ sung) Nghĩa phương, Nghĩa Hưng, Nghĩa Bình

Ngày 22 tháng 6 năm 1978
HIỆU TRƯỞNG,
(ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)
Cao Văn Dũng

Tóm tắt quá trình học tập :

Năm học	Số đăng ký	Lớp	KẾT QUẢ XẾP LOẠI CUỐI NĂM HỌC				Ghi chú (ghi ngày thôi học chuyển trường, lý do chuyển...)
			Đạo đức	Học tập	Lao động	BV và RLTT	
1977 1978		một	tốt	tốt	tốt	tốt	
19 19							
1979 1980		3	Khá	giỏi	tốt	Khá	
1980 1981		Bốn	Tốt	Khá	tốt	tốt	
19 19		năm	Tốt	Khá	Khá	Tốt	
19 19							
19 19							
19 19							
19 19							
19 19							
19 19							
19 19							

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP I LỚP một NĂM HỌC 1977—1978

Điểm các bài kiểm tra cuối học kỳ :

Học kỳ	Tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Khoa Sử Địa	ĐTBkt
I	6			10	7		7,60
II	7			8	6		7,00

Kết quả đánh giá xếp loại :

Các mặt giáo dục	Học kỳ	Tháng thứ 1	Tháng thứ 2	Tháng thứ 3	ĐTB ct	ĐTB HK	Xếp thứ	Xếp loại Học kỳ	Xếp loại cả năm
Học tập các môn Văn hóa	I	6,00	7,50	7,50	7,10	7,30	2/62	A	A
	II	7,00	7,50	6,70	7,10	7,0	11/62	A	
Đạo đức	I								
	II								
Lao động	I								
	II								
Bảo vệ và RLTT	I								
	II								

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH Lê Xuân Thang

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP 62 NĂM HỌC 1977—1978

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện thân thể ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp.
	Có phép	Không phép				
I						
II						
Cả năm						

Nhận xét của giáo viên phụ trách lớp :

Về đạo đức : tốt

Về học tập : tốt

Về lao động : tốt

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể : tốt

Ngày 30 tháng 5 năm 1978

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Cao Văn Quế

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Lê Thị Nhung

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP I LỚP 1a NĂM HỌC 197[illegible]—19[illegible]

Điểm các bài kiểm tra cuối học kỳ :

Học kỳ	Tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Khoa Sử Địa	ĐTBkt
I	7	7	5	10	6		7,0
II	8	7	6	10	6		7,6

Kết quả đánh giá xếp loại :

Các mặt giáo dục	Học kỳ	Tháng thứ 1	Tháng thứ 2	Tháng thứ 3	ĐTB ct	ĐTB HK	Xếp thứ	Xếp loại Học kỳ	Xếp loại cả năm
Học tập các môn Văn hóa	I	6,20	6,35	6,70 7,05	6,00	6,80	8/50	Giỏi	Giỏi
	II	6,35	6,20	7,10 7,35	6,77	7,05	6/50	Giỏi	
Đạo đức	I	6,50	7,00	7,00				A	A
	II	6,50	6,50	7,00				A	
Lao động	I	6,00	5,00	5,50		5,50	30/50	TB	TB
	II	5,00	5,00	5,50		5,12	23/50	TB	
Bảo vệ và RLTT	I	5,00	5,50	5,50		5,00	31/50	Khá	
	II	6,00	5,50	5,50		5,60	15/50	Khá	

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH Lê Võ Bảo Thanh

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP 1a NĂM HỌC 197[illegible]—19[illegible]

Kết quả chung :

Học kỳ	Số ngày nghỉ: Có phép	Số ngày nghỉ: Không phép	Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện thân thể ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp.
I						
II						
Cả năm						

Nhận xét của giáo viên phụ trách lớp :

Về đạo đức : Tốt

Về học tập : Giỏi – Có hoạt động trong tổ

Về lao động : Tốt – Tích cực

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể :

Ngày 25 tháng 5 năm 197[illegible]

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Võ Văn Nhung

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Nguyễn thị Bau

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP 1 LỚP 9a NĂM HỌC 1979—1980

Điểm các bài kiểm tra cuối học kỳ :

Học kỳ	Tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Khoa Sử Địa		ĐTBkt
I	8	9	6	9	5			7,4
II	8	7	8	6	6			7,0

Kết quả đánh giá xếp loại :

Các mặt giáo dục	Học kỳ	Tháng thứ 1	Tháng thứ 2	Tháng thứ 3	ĐTB ct	ĐTB HK	Xếp thứ	Xếp loại Học kỳ	Xếp loại cả năm
Học tập các môn Văn hóa	I	7,6 6,5	7,1	7,2	7,1	7,2	4/46	G	G
	II	7,0 6,0	7,7	7,3	7,0	7,0	6/46	G	
Đạo đức	I	6,1	5,9	6,0				K	K
	II	6,8	6,9	6,7				K	
Lao động	I	7,2	7,5	7,0		7,2	2/46	T	T
	II	6,9	7,4	7,9		7,4	4/46	T	
Bảo vệ và RLTT	I	5,9	6,7	6,5		6,3	36/46	K	K
	II	7,0	6,8	6,9		6,9	27/46	K	

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH Lê võ văn thanh

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP 39 NĂM HỌC 1979—1980

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện thân thể ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp.
	Có phép	Không phép				
I	2					
II						
Cả năm	2					

Nhận xét của giáo viên phụ trách lớp :

Về đạo đức : Khá - ngoan

Về học tập : Giỏi - chuyên cần

Về lao động : tốt

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể : Khá

Ngày 20 tháng 5 năm 1980

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký, và đóng dấu)

Võ Đình Nhung

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Nguyễn thị Phương

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP I LỚP 8Đ NĂM HỌC 1980—1981

Điểm các bài kiểm tra cuối học kỳ :

Học kỳ	Tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Khoa Sử Địa		ĐTBkt
I	9	8	5	10		6		7,6
II	7	9	8	3		9		7,2

Kết quả đánh giá xếp loại :

Các mặt giáo dục	Học kỳ	Tháng thứ 1	Tháng thứ 2	Tháng thứ 3	ĐTB ct	ĐTB HK	Xếp thứ	Xếp loại Học kỳ	Xếp loại cả năm
Học tập các môn Văn hóa	I	6,3	5,6	7,5 6,8	6,6	7,1	4/39	K	K
	II	7,7	6,9	7,6 7,5	7,5	7,4	6/38	K	
Đạo đức	I	T	T	T				T	T
	II	T	T	T				T	
Lao động	I	10	9		9,5			T	T
	II	8	8		8			T	
Bảo vệ và RLTT	I	10	10	9 8	9,2			T	T
	II	9	9	9 9	9			T	

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH LÊ VÕ VĂN THANH

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP 38 NĂM HỌC 1980—1981

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện thân thể ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp.
	Có phép	Không phép				
I		1				
II		1				
Cả năm		2				

Nhận xét của giáo viên phụ trách lớp :

Về đạo đức : Tốt - ngoan

Về học tập : Khá - Có cố gắng - tích cực học tập

Về lao động : Tốt

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể : Tốt.

Ngày 20 tháng 5 năm 1981

P. HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)
Nguyễn Tùng Thái

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)
Võ thị Lệ Dung

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP I ..... LỚP Năm NĂM HỌC 1981 — 1982

Điểm các bài kiểm tra cuối học kỳ :

Học kỳ	Tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Khoa Sử Địa		ĐTBkt
I	8	8	5	7	5	9	6	6,8
II	8	8	6	6	6	9	9	7,4

Kết quả đánh giá xếp loại :

Các mặt giáo dục	Học kỳ	Tháng thứ 1	Tháng thứ 2	Tháng thứ 3	ĐTB ct	ĐTB HK	Xếp thứ	Xếp loại Học kỳ	Xếp loại cả năm
Học tập các môn Văn hóa	I	4,1	6,9	7,8 7,4	6,5	6,6	8/38	K	K
	II	7,6	6,9	7,5 8,1	7,5	7,5	3/36	T	
Đạo đức	I	T	T	T				T	T
	II	T	T	T				T	
Lao động	I	6,9	7,1	6,7		6,9		K	K
	II	6,8	7,0	6,6		6,8	-	K	
Bảo vệ và RLTT	I	7,9	8,1	7,7		7,9		T	T
	II	7,7	7,5	7,9		7,7		T	

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH LÊ VÕ VĂN THANH

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP Năm NĂM HỌC 1981 — 1982

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện thân thể ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp.
	Có phép	Không phép				
I					ĐƯỢC LÊN LỚP	
II						
Cả năm						

Nhận xét của giáo viên phụ trách lớp :

Về đạo đức : Tốt ngoan hiền

Về học tập : Khá tiến cố gắng, cố gắng nhiều

Về lao động : Khá

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể : Tốt

Ngày 20 tháng 5 năm 1982

P. HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Nguyễn Trung Hoà

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Ngô Thị Hữu Điệp

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP ____ LỚP ____ NĂM HỌC 19 ____ — 19 ____

Điểm các bài kiểm tra cuối học kỳ :

Học kỳ	Tập đọc	Chính tả	Tập làm văn	Toán	Tập viết	Khoa Sử Địa		ĐTBkt
I								
II								

Kết quả đánh giá xếp loại :

Các mặt giáo dục	Học kỳ	Tháng thứ 1	Tháng thứ 2	Tháng thứ 3	ĐTB ct	ĐTB HK	Xếp thứ	Xếp loại Học kỳ	Xếp loại cả năm
Học tập các môn Văn hóa	I								
	II								
Đạo đức	I								
	II								
Lao động	I								
	II								
Bảo vệ và RLTT	I								
	II								

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH .....

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP ____ NĂM HỌC 19 ..... — 19 .....

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện thân thể ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp.
	Có phép	Không phép				
I						
II						
Cả năm						

Nhận xét của giáo viên phụ trách lớp :

Về đạo đức :

Về học tập :

Về lao động :

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể :

Ngày ..... tháng ____ năm 19 ____

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP 2,3 LỚP 6D NĂM HỌC 1982 – 1983

Kết quả học tập các bộ môn văn hóa và các mặt giáo dục :

Các môn học	HỌC KỲ I		HỌC KỲ II		CẢ NĂM		Nhận xét của giáo viên bộ môn	
	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ		
Ngữ văn	4,8		5,2		5,1		T. bình	
Toán	7,2		6,1		6,5		Khá	
Lịch sử	6,4		5,3		5,8		Trung bình	
Địa lý	6,4		8,2		7,6		Khá	
Vật lý Vệ sinh								
Hóa học Vẽ								
Sinh vật	6,7		7,0		6,9		Khá	
Kỹ thuật Nữ công								
Tiếng nước ngoài								
Chính trị	6,5		7,8		7,4		Khá	
Nhạc								
Lao động	9,8		9,0		9,1		Tốt	
Bảo vệ và Rèn luyện thân thể	7,0		9,0		8,3		Tốt	

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH Lê Vũ Văn Thanh

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP 56 NĂM HỌC 1982 – 1983

Kết quả xếp loại các mặt giáo dục :

Học kỳ	Đạo đức	Học tập văn hóa	Lao động	Bảo vệ và rèn luyện thân thể
I	Khá	TBình	Khá	Tốt
II	Tốt	TBình	Tốt	Tốt
Cả năm	Tốt	TBình	Tốt	Tốt

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp
	Có phép	Không phép				
I					Được	Lên
II						
Cả năm						

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm lớp :

Về đạo đức : Tốt, ngoan

Về học tập : TBình, cần cố gắng bộ

Về lao động : Tốt, chăm

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể : Khá

Ngày 31 tháng 5 năm 1983

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký, đóng dấu)

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Lê Tấn Dũng

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP 7 LỚP 7 NĂM HỌC 1983 – 1984

Kết quả học tập các bộ môn văn hóa và các mặt giáo dục :

Các môn học	HỌC KỲ I		HỌC KỲ II		CẢ NĂM		Nhận xét của giáo viên bộ môn	
	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ		
Ngữ văn	60		47		51		T. Bình	
Toán	66		54		58		T Bình	
Lịch sử	5.8		6.2		6.0		T Bình	
Địa lý	67		60		62		Khá	
Vật lý Vệ sinh	57		6.0		5.6			
Hóa học Vẽ								
Sinh vật	71		73		72		Khá	
Kỹ thuật Nữ công	7.0		75		75		Khá	
Tiếng nước ngoài	6.8		7.2		7.4		Khá	
Chính trị	6.0		6.2		6.1		T.B	
Nhạc								
Lao động	70		60		65		Khá	
Bảo vệ và Rèn luyện thân thể								

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH Lê Võ Văn Thanh.

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP 7 NĂM HỌC 1983 – 1984

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÁC MẶT GIÁO DỤC

Học kỳ	Đạo đức	Học tập văn hóa	Lao động	Bảo vệ và rèn luyện thân thể
I	Tốt	Khá	Khá	TB
II	Tốt	TB	TB	TB
Cả năm	Tốt	TB	Khá	TB

KẾT QUẢ CHUNG

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp
	Có phép	Không phép				
I	2	1			Được	
II	1	1				
Cả năm	3	2				

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Về đạo đức : Tốt

Về học tập : Trung bình

Về lao động : Khá

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể : T Bình

Ngày 20 tháng 5 năm 1984

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký, đóng dấu)

Nguyễn Minh

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Phùng Thị Lực

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP II LỚP 9 NĂM HỌC 1984 —1985

Kết quả học tập các bộ môn văn hóa và các mặt giáo dục :

Các môn học	HỌC KỲ I		HỌC KỲ II		CẢ NĂM		Nhận xét của giáo viên bộ môn	
	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ		
Ngữ văn	54		58		57		Trung	
Toán	71		62		65		Kém	
Lịch sử	61		52		55		Trung	
Địa lý	72		52		59		Trung	
Vật lý Vệ sinh	58		52		54		Tb-Yếu	
Hóa học Vẽ	60		44		49		Yếu	
Sinh vật	68		60		62		Tb-Kém	
Kỹ thuật Nữ công	80		74		76		Khá	
Tiếng nước ngoài	4,1		3,4		3,6		Yếu	
Chính trị	66		62		63		Trung	
Nhạc								
Lao động	79		79		79		Khá	
Bảo vệ và Rèn luyện thân thể	73		77		7,5		Khá	

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH Lê Võ Văn Thanh

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP 9 NĂM HỌC 1984 —1985

Kết quả xếp loại các mặt giáo dục :

Học kỳ	Đạo đức	Học tập văn hóa	Lao động	Bảo vệ và rèn luyện thân thể
I	Tốt	Trung	Khá	Khá
II	Khá	Yếu	Khá	Khá
Cả năm	Tốt	Trung	Khá	Khá

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp
	Có phép	Không phép				
I	1	2			Được lên lớp	
II	1	2				
Cả năm	2	4				

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm lớp :

Về đạo đức : Tốt

Về học tập : Trung Yếu

Về lao động : Khá

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể : Khá

Ngày 18 tháng 5 năm 1985

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký, đóng dấu)

Nguyễn Thiều

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Phạm Văn Đồng

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP 2 LỚP 9D NĂM HỌC 1985—1986

Kết quả học tập các bộ môn văn hóa và các mặt giáo dục :

Các môn học	HỌC KỲ I		HỌC KỲ II		CẢ NĂM		Nhận xét của giáo viên bộ môn	
	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ		
Ngữ văn	4.3		5.5		5.1		TB	
Toán	6.0		5.4		5.6		TBình	
Lịch sử	4.8		7.7		6.7		Khá	
Địa lý	6.5		6.2		6.3		TB	
Vật lý Vệ sinh	6.4		5.8		5.5		TB	
Hóa học Vẽ	5.1		5.5		5.4		TB	
Sinh vật	6.3		6.4		6.4		T.B	
Kỹ thuật Nữ công	4.2		4.8		5.6		TB	
Tiếng nước ngoài	4.7		5.1		5.0		TBình	
Chính trị	5.4		7.0		6.5		Khá	
Nhạc								
Lao động	8.0		8.0		8.0		Tốt	
Bảo vệ và Rèn luyện thân thể	7.5		7.5		7.5		Khá	

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH Lê Võ Văn Thanh

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP 46 NĂM HỌC 1985—1986

Kết quả xếp loại các mặt giáo dục :

Học kỳ	Đạo đức	Học tập văn hóa	Lao động	Bảo vệ và rèn luyện thân thể
I	Tốt	TB	Tốt	Khá
II	Tốt	TB	Tốt	Khá
Cả năm	Tốt	T.B	Tốt	Khá

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp
	Có phép	Không phép				
I						
II						
Cả năm						

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm lớp :

Về đạo đức : Hiền, ngoan.

Về học tập : chăm, có cố gắng.

Về lao động : Tích cực.

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể : Nhất tính.

Ngày 18 tháng 5 năm 1986

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký, đóng dấu)

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Phạm Quang Thiện

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP ____ LỚP ____ NĂM HỌC 19 ____ — 19 ____

Kết quả học tập các bộ môn văn hóa và các mặt giáo dục :

Các môn học	HỌC KỲ I		HỌC KỲ II		CẢ NĂM		Nhận xét của giáo viên bộ môn	
	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ	ĐTB	Xếp thứ		
Ngữ văn								
Toán								
Lịch sử								
Địa lý								
Vật lý Vệ sinh								
Hóa học Vẽ								
Sinh vật								
Kỹ thuật Nữ công								
Tiếng nước ngoài								
Chính trị								
Nhạc								
Lao động								
Bảo vệ và Rèn luyện thân thể								

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH .....

SỐ HỌC SINH TRONG LỚP ..... NĂM HỌC 19 ..... — 19 .....

Kết quả xếp loại các mặt giáo dục :

Học kỳ	Đạo đức	Học tập văn hóa	Lao động	Bảo vệ và rèn luyện thân thể
I				
II				
Cả năm				

Kết quả chung :

Học kỳ	SỐ NGÀY NGHỈ		Danh hiệu thi đua	Kỷ luật	Được lên lớp hay ở lại hẳn. Thi lại môn gì? Rèn luyện ?	Kết quả thi lên lớp hoặc rèn luyện thêm. Kết quả thi hết cấp
	Có phép	Không phép				
I						
II						
Cả năm						

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm lớp :

Về đạo đức :

Về học tập :

Về lao động :

Về bảo vệ và rèn luyện thân thể :

Ngày ____ tháng ____ năm 19 ____

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ họ tên, ký, đóng dấu)

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP
(ghi rõ họ tên và chữ ký)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỌC BẠ

1. Học bạ của học sinh cấp 1, 2 là sổ ghi kết quả học tập rèn luyện về các mặt giáo dục từ lớp 1 đến lớp 9 trong khi học sinh học tại trường cấp 1, cấp 2. Mỗi sổ gồm 24 trang đánh số từ 1 đến 24 (không kể 4 trang bìa). Khi lập sổ, cần ghi ngay tên học sinh ở ngoài bìa, những mục ở phần đầu trang 1 và đóng dấu giáp lại bằng dấu của trường lập sổ từ trang đầu đến trang cuối của học bạ. Học bạ do nhà trường giữ và bảo quản suốt thời gian học sinh đang học tại nhà trường. Học sinh tiếp tục học cấp 2 không phải lập học bạ mới.

2. Khi nhận học sinh vào học, cần ghi năm học, tên lớp, tên trường, sổ đăng ký ở phần cuối trang 1 sau khi vào sổ đăng ký học sinh. Đầu mỗi năm học ghi ngay năm học và tên lớp của học sinh, cuối mỗi năm học ghi kết quả xếp loại 4 mặt giáo dục vào phần tóm tắt quá trình học tập ở trang 1. Khi học sinh ra trường (chuyển cấp, chuyển trường, thôi học...) ghi ngày ra trường, đối chiếu lại giữa học bạ và sổ đăng ký trước khi trả học bạ cho học sinh.

3. Việc ghi kết quả đánh giá xếp loại cuối tháng (đối với cấp 1) cuối học kỳ và cuối năm học (cấp 1 và cấp 2) phải tiến hành sau mỗi tháng, mỗi học kỳ và ngay cuối năm học đúng với sổ lớp. Việc ghi nhận xét chỉ tiến hành vào cuối năm học căn cứ vào quá trình học tập và rèn luyện cả năm của học sinh.

4. Giáo viên phụ trách lớp hoặc chủ nhiệm lớp đối chiếu học bạ với sổ lớp, bổ sung những mục còn thiếu, đính chính những chỗ ghi chưa đúng chưa rõ trước khi Hiệu trưởng xem xét, ghi nhận xét nếu cần, ký tên và đóng dấu.

5. Việc ghi chép trong học bạ phải đầy đủ, rõ ràng, cẩn thận, sạch sẽ. Tuyệt đối không được tẩy, xóa lấp hẳn và chữa đè lên những chữ số và chữ viết trong học bạ. Nếu cần sửa chữa, giáo viên gạch 1 gạch bỏ và dùng mực đỏ viết bên cạnh hoặc bên trên. Những chỗ sửa chữa phải được Hiệu trưởng ký tên đóng dấu xác nhận. Trái với điều này, học bạ không được coi là hợp lệ.

BỘ GIÁO DỤC

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM
Trại Gia Trung
Số: 0294

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Trung, ngày 09 tháng 02 năm 1980

SHSLĐ (0 0 3 6 7 8 0 4 7 4 2)

GIẤY RA TRẠI

-oOo-

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và Đảng phái phản động hiện đang tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên bộ quốc phòng-Nội Vụ số: 07/TT-LB ngày 02 tháng 11 năm 1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định tha số: 04 ngày 28 tháng 01 năm 1980 của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: LÊ TÂNH Sinh năm: 1942
Quê quán: Quảng Ngãi
Trú quán: Xã Nghĩa Phương, huyện Tư nghĩa, Nghĩa Bình
Số lính: 63/208 945 Cấp bậc: Trung úy Bảo Chính
Chức vụ: Cảnh Sát trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ.

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy ban nhân dân công an xã, phường thuộc huyện, quận: Nghĩa Phương, Tư nghĩa tỉnh thành phố: Nghĩa Bình. Và phải tuân theo các qui định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc quản chế về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai)
Thời hạn đi đường: 02 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại.
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

Lăn ngón tay trỏ phải
Của: Lê Tánh
Danh bản số: 037170
Lập tại: Gia Trung

Chữ ký của người được cấp giấy

GIÁM THỊ

Lê Tánh

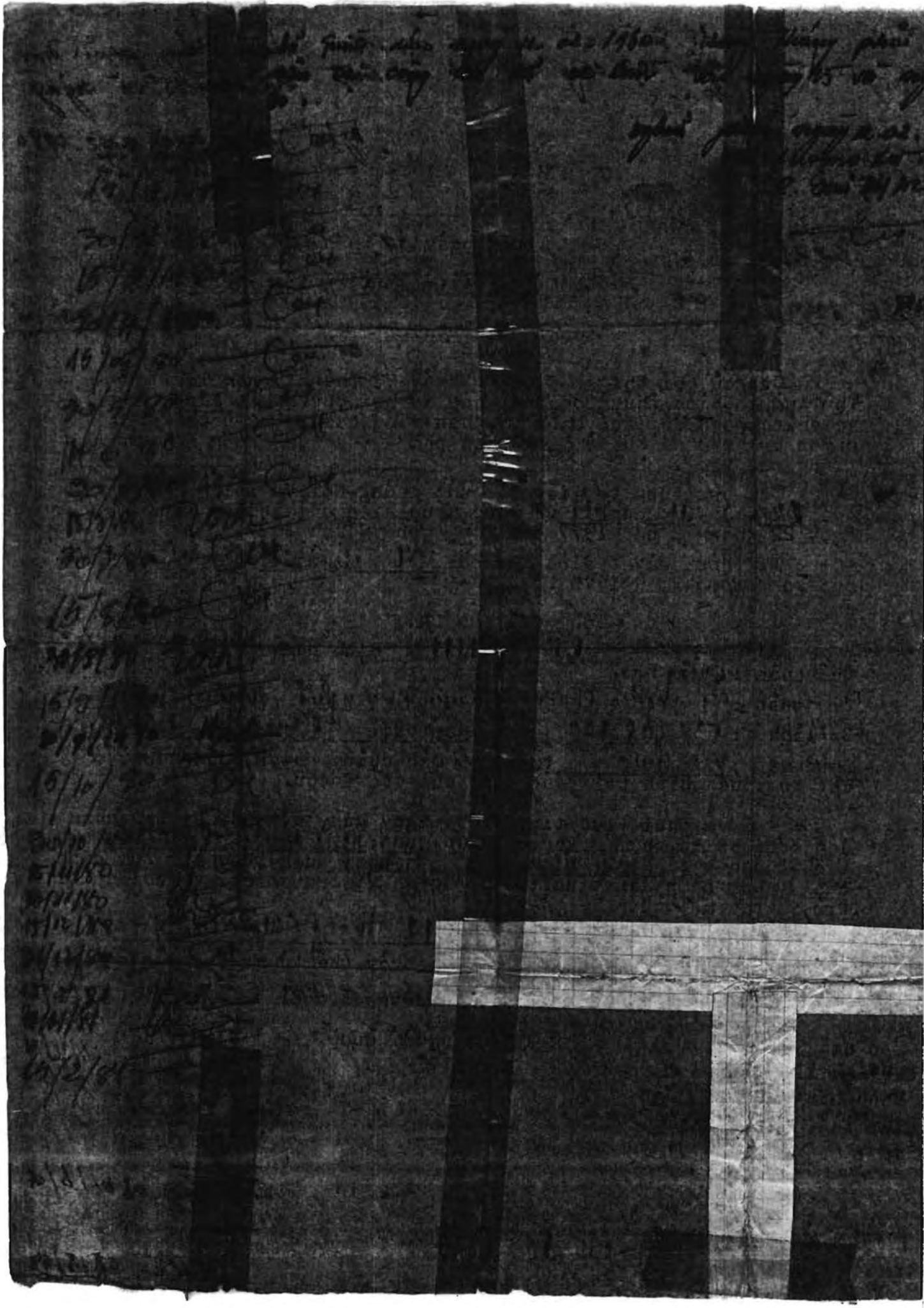

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH PHÚ-YÊN
QUẬN TUY-HÒA
XÃ TUY-HÒA
SỐ HIỆU 18

MẪU SỐ 5

TRÍCH LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THÚ

Tên họ người chồng LÊ TÂNH
Nghề nghiệp Dạy học
Sinh ngày 15 tháng 01 năm 1943
Tại Tư-Lương, quận Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Cư sở tại Tư-Lương, quận Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Tạm trú tại Ấp Bình-Mỹ, xã Tuy-Hòa, quận Tuy-Hòa, Phú-Yên
Tên họ cha chồng (Sống chết phải nói) LÊ MAI (chết)
Tên họ mẹ chồng (Sống chết phải nói) NGUYỄN THỊ TÂM (sống)
Tên họ người vợ VÕ THỊ HOÀNG-LIÊN
Nghề nghiệp Học-Sinh
Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1949
Tại Khuê-Trung, Hòa-Cường, quận Hòa-Vang, QUẢNG-NAM
Cư sở tại Khuê-TRung, Hòa-cường, quận Hòa-Vang, Quảng-Nam
Tạm trú tại Ấp Bình-Mỹ, xã Tuy-Hòa, quận Tuy-Hòa, Phú-Yên
Tên họ cha vợ (Sống chết phải nói) VÕ XUÂN (chết)
Tên họ mẹ vợ (Sống chết phải nói) TRẦN THỊ HẠ (sống)
Ngày cưới Hai mươi bảy tháng giêng năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (27-01-1967)
Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế /
Ngày / tháng / năm /
Tại /

TRÍCH Y BỔN CHÁNH

TUY-HÒA, ngày 22 tháng 8 năm 1969

CHỦ-TỊCH KIÊM HỘ-TỊCH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ỦY-BAN HÀNH-CHÁNH XÃ TUY-HÒA
TỈNH PHÚ-YÊN QUẬN TUY-HÒA

BÙI-KHOA

Chứng nhận chữ ký của ông Bùi Khoa
Chủ tịch UBHC xã Tuy Hòa
Ngày 22 tháng 8 năm 1969
QUẬN TUY-HÒA
Q. TRƯỞNG TUY HÒA
PHÓ QUẬN TRƯỞNG

NÔ-QUỐC-VĂN
Phó Đô-Sự

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Nghĩa Phương
Thị xã, Quận Quảng Nghĩa
Thành phố, Tỉnh Nghĩa Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MẪU HT-1972

Số _____
Quyển số _____

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

HỌ VÀ TÊN	LÊ VÕ DIỄM THƯƠNG	Nam Nữ Nữ
Sinh ngày tháng năm	04-8-1974	
Nơi sinh	xã Nghĩa phương thị xã Quảng Nghĩa tỉnh Nghĩa Bình	
Khai về Cha Mẹ	CHA	MẸ
Họ tên tuổi, hoặc ngày tháng năm sinh	Lê Tánh sinh ngày 15-01-1943	Võ thị Hoàng Liên sinh ngày 20-11-1949
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt nam	Kinh Việt nam
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Nông Nghĩa phương, Quảng Nghĩa, Nghĩa Bình	Nông Nghĩa phương, Quảng Nghĩa, Nghĩa Bình
Họ tên tuổi nơi ĐKNK thường trú số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Võ Thị Hoàng Liên 31 tuổi xã Nghĩa phương thị xã Quảng Nghĩa tỉnh Nghĩa Bình, giấy chứng minh nhân dân số 210 12 43 17	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 01 tháng 9 năm 1980
TM UBND XÃ Nghĩa phương

Đăng ký, ngày ___ tháng ___ năm 19
Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường.....
Huyện, Quận.....
Tỉnh, Thành phố.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT
Số
Quyển

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ VÕ TÚY TRINH Nam hay nữ NỮ
Ngày, tháng, năm sinh ngày mười sáu tháng năm thất nghìn chín trăm bảy mươi ba (16-06-1973)
Nơi sinh thôn phú mỹ xã nghĩa phương huyện tư nghĩa
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Võ thị hoàng liên	Lê Tánh
Tuổi	40 tuổi	46 tuổi
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	nông	nông
Nơi thường trú	phú mỹ nghĩa phương tư nghĩa nghĩa bình	phú mỹ nghĩa phương tư nghĩa nghĩa bình

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Lê Tánh thôn phú mỹ xã nghĩa phương huyện tư nghĩa tỉnh nghĩa bình chứng minh nhân dân số 211 294700

Đăng ký ngày tháng năm 19
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai
Lê Tánh

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 29 tháng 2 năm 1989
T/M UBND
ký tên, đóng dấu

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Nghĩa Phú
Huyện, Quận Tư Nghĩa
Tỉnh, Thành phố Nghĩa Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT
Số
Quyển

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên Lê Võ Anh Tú Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày 02 tháng 6 năm 1972
Ngày hai tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy hai
Nơi sinh Phú Mỹ, Nghĩa Phú, Tư Nghĩa, Nghĩa Bình
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Võ Thị Hồng Liên	Lê Tách
Tuổi	40 tuổi	46 tuổi
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Nông	Nông
Nơi thường trú	Tổ 2, HTX Mỹ Phú, xã Nghĩa Phú	Tổ 2, HTX Mỹ Phú, xã Nghĩa Phú

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Lê Tách tuổi 46 sinh ngày 01 tháng 1 năm 1923 Tổ 2 thôn Phú Mỹ, xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Nghĩa Bình

Đăng ký ngày 25 tháng 02 năm 1989
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 28 tháng 2 năm 1989
T/M UBND
ký tên đóng dấu
Trần Tấn Tường

KHAI SINH

Con nhà (tên họ)	LÊ VÕ VĂN THÀNH
Phái	Nam
Sinh ngày tháng năm	Hai mươi hai tháng Năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi (22-5-1970)
Tại	Xã Tư-lương, quận Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Cha (tên họ)	LÊ TÁNH
Tuổi	27 tuổi
Nghề nghiệp	giáo-chức
Cư trú tại	xã Tư-lương, quận Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Mẹ (tên họ)	VÕ THỊ HOÀNG-LIÊN
Tuổi	21 tuổi
Nghề nghiệp	Nội-trợ
Cư trú tại	xã Tư-lương, quận Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Vợ (chính hay vợ thứ)	vợ Chánh
Người khai	LÊ TÁNH
Tuổi	27 tuổi
Nghề nghiệp	Giáo-chức
Cư trú tại	xã Tư-Lương, quận Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Ngày khai	Mùng bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi (04-6-1970).
Người chứng thứ nhất (tên họ)	Dương ngọc Phương
Tuổi	35 tuổi
Nghề nghiệp	Nông
Cư trú tại	xã Tư-Lương, Quận Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Người chứng thứ nhì (tên họ)	Hoàng ngọc Trân
Tuổi	34 tuổi
Nghề nghiệp	Nông
Cư trú tại	xã Tư-lương, quận Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi.

Làm tại Tư-Lương *ngày* 4 *tháng* 6 *năm* 1970

Người khai

LÊ TÁNH

Ký tên

Hộ lại

Nguyễn Hữu Lang
Ký tên và đóng dấu

Nhân chứng

Dương ngọc Phương ký tên
Hoàng ngọc Trân ký tên

CHỨNG THỰC

thử ký bản Kia của Ô. ủy-viên Hộ tịch
Tư-Lương ngày ... tháng ... năm ...
TRƯỞNG ...

PHỤNG TRÍCH LỤC

Tư-Lương *ngày* 05 *tháng* 6 *năm* 1970

Ủy-viên hộ-tịch

TƯ NGHĨA ngày 10 / 8 / 1995
PHÒNG CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC
TỈNH QUẢNG NGÃI
Chứng nhận SAO Y BẢN CHÍNH
NGUYỄN VĂN ĐÀN BỘ CÔNG CHỨNG

CHỦ TỊCH UBND H. TƯ NGHĨA
CHÁNH VĂN PHÒNG

SỐ 292

KHAI SINH

Ái nhi (tên họ)	Lê Võ Anh Tuấn
Phái	Nam
Sinh ngày tháng năm	Hai mươi tốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (24-6-1971)
Tại	Xã Tư Lường, quận Tư Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi
Cha (tên họ)	Lê Tánh
Tuổi	28 tuổi
Nghề nghiệp	dạy học
Cư trú tại	Xã Tư Lường, quận Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
Mẹ (tên họ)	Võ thị Hoàng Liên
Tuổi	22 tuổi
Nghề nghiệp	Nội trợ
Cư trú tại	Xã Tư Lường, quận Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
Vợ (chánh hay phụ)	Vợ chánh
Người khai	Lê Tánh
Tuổi	28 tuổi
Nghề nghiệp	dạy học
Cư trú tại	Xã Tư Lường quận Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
Ngày khai	Hai mươi tốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (24-6-1971)
Người chứng thứ nhất (tên họ)	Lục Bá
Tuổi	34 tuổi
Nghề nghiệp	Nông
Cư trú tại	Xã Tư Lường, quận Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
Người chứng thứ nhì (tên họ)	Nguyễn Ngọc Vinh
Tuổi	23 tuổi
Nghề nghiệp	Nông
Cư trú tại	Xã Tư Lường quận Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

Làm tại Tư Lường ngày 24 tháng 6 năm 1971

Người khai	Hộ lại	Nhân chứng
Lê Tánh (ký tên)	Nguyễn Văn Đồng (Ấn ký)	Lục Bá ký tên Nguyễn Ngọc Vinh ký tên

PHÁNG THÍCH LỤC

Tư Lường ngày tháng năm 1971

Ủy viên Hộ tịch

Post-Interview Document Request
Giấy Tờ Yêu Cầu Sau Phỏng Vấn

13/10/94	H33-460	Le Tanh
Date/*Ngày*	List Number/*Số phỏng vấn*	Applicant's Name/*Họ & Tên người đứng đơn*

TO: THE OFFICE OF EXTERNAL RELATIONS, 6 THÁI VĂN LUNG, Q1, HỒ CHÍ MINH CITY
KÍNH GỞI: SỞ NGOẠI VỤ, 6 THÁI VĂN LUNG, Q1, T.P. HỒ CHÍ MINH

Based on the recent interview, the applicant is requested to submit the following document(s) to facilitate the adjudication of the case. / Dựa trên *cuộc phỏng vấn vừa qua, viên chức phỏng vấn yêu cầu đương đơn nộp những giấy tờ liệt kê dưới đây, để có thêm tài liệu duyệt xét cho hồ sơ này:*

- Giấy khai sinh của Ông Le Tanh và
Bà Liên. Hoặc:
Toàn bộ hình ảnh cưới hoặc giấy tờ chứng minh
Bà Liên là vợ Ông Tanh

Date / *Ngày*	Interviewing Officer / *Chữ ký của viên chức phỏng vấn*

OFFICIAL USE ONLY/DÀNH CHO SỞ NGOẠI VỤ

Referred by the Office of External Relations/*Ý kiến của Sở Ngoại Vụ*
ATTENTION / *KÍNH CHUYỂN:* _____

THE IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE OF THE UNITED STATES OF AMERICA

Dear/*Kính gởi* Le Vo Anh Tuan IV# H 33-465
(ODP applicant/*Tên người đứng đơn*)

1) ☒ We regret we are unable to approve your application for refugee resettlement admission to the United States.

To be resettled in the United States as a refugee, an applicant must meet the statutory definition of refugee contained in section 101(a)(42) of the Immigration and Nationality Act (INA), as amended. Refugee status can be approved only if the applicant establishes a credible claim of persecution or a well-founded fear of persecution on account of race, religion, nationality, membership in a particular social group, or political opinion. Additionally, all applicants for refugee status in the United States must establish that they are not precluded from entry into the United States under other sections of law.

During your interview with an officer of the United States Immigration and Naturalization Service (INS), your claim to having been persecuted or having a well-founded fear of persecution was reviewed. At that time, you were given the opportunity to present evidence, documentation, and/or an accumulation of detail through verbal testimony of the events or circumstances that support your claim of persecution or a well-founded fear of persecution. After carefully reviewing your account of these events and surrounding circumstances, it has been determined that you do not qualify for refugee status.

2) ☐ You may be eligible for Public Interest Parole (see attached letter).

3) ☐ We are unable to approve your application for resettlement in the United States under the Public Interest Parole program because you do not meet the criteria indicated below:

3a) ☐ Married sons and daughters (of former re-education camp detainees who are eligible as refugees) must have approved petitions filed on their behalf, or on behalf of their spouse, by a sibling or closer relation who is currently residing in the United States, who is willing to pay transportation costs, and who demonstrates that he/she has the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3b) ☐ Former US government or private company employees who are not eligible for refugee status may be considered for public interest parole only if they have siblings or closer relations currently residing in the United States who are willing to pay transportation costs and demonstrate that they have the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3c) ☐ Unmarried children of former US government or private company employees who are approved as Public Interest Parolees are allowed to accompany their parents to the United States only if the children are under the age of twenty-one.

3d) ☐ _____

Officer of the US Immigration and Naturalization Service
Viên Chức Sở Di Trú Nhập Cư Và Nhập Tịch Hoa Kỳ

U.S. INTER[illegible] TEAM
[illegible]
HO CHI MINH CITY
Date/*Ngày*

Applicant Copy

INS-1
Refugee/PIP denial (12/92)

Embassy of the United States of America
Bangkok, Thailand

22 FEB 1995

Le Vo Van Thanh
Xa Nghia Phuong
Tu Nghia, Quang Nghia
Nghia Binh

Ref: Interview # H33-465
IV # 369153

Dear Le Vo Van Thanh:

Following a thorough review of your case by this office, it has been determined that the following persons are not eligible for entry to the United States of America, under the Orderly Departure Program.

LE VO VAN THANH
LE VO DIEM THUONG
LE VO TUY TRINH
LE VO ANH TU
LE VO ANH TUAN

-- This determination was made after a thorough review of your case by a U.S. Immigration and Naturalization Service officer who has found that there is insufficient cause to overturn the previous rejection of this case.

We regret that we cannot give you a more favorable reply.

Sincerely,

Consular Officer
Orderly Departure Program

Note: Correspondence to ODP from Vietnam should be mailed to the following address: Van Phong ODP, c/o So Ngoai Vu, 184 Bis Pasteur Q. 01, T/P Ho Chi Minh.

OPU: ANO/kit (9512d/55)

ODP-36
8/82

INTERNATIONAL CATHOLIC MIGRATION COMMISSION (ICMC)
Joint Voluntary Agency for the US Orderly Departure Program, American Embassy, Bangkok

Case Number: IV 369153 / H33-465 Date: 31 JAN 1996

The US Orderly Departure Program (ODP) has received your inquiry regarding the referenced ODP case. This case was interviewed and denied by a US Immigration and Naturalization Service (INS) officer based on the evidence and testimony presented. There is no appeal from such a denial, however, US immigration law provides that any applicant may request to re-open a case if additional or new evidence or facts are presented in support of the original refugee claim. We have reviewed our records based on the information contained in your inquiry, however, insufficient evidence or facts are available to warrant reconsideration of the case. Please refer to the section(s) indicated below for further information. Please note that it is unlikely reconsideration will be given to derivative applicants once the principal applicant has departed Vietnam.

☐ The principal applicant has failed to submit sufficient, credible evidence to establish that he spent at least three years in re-education as a result of his association with the US prior to 1975. Further consideration may be given upon receipt of: original re-education release certificates; MOI verification of time spent in re-education; original restoration of civil rights documents; old photographs; letters of explanation.

☐ Based on the information presented at interview, the applicants have failed to establish that they meet the definition of a refugee as defined in Section 101(a)(42) of the Immigration and Nationality Act (INA). ODP policy indicates that refugee applicants must demonstrate to the satisfaction of the interviewing officer that they have been subject to persecution in Vietnam as a result of their association with the US prior to 1975. In some cases, evidence presented may have been determined not credible and therefore not considered. Further consideration may be given if additional new evidence or facts are presented in support of the original refugee claim.

☐ Based on the documents and testimony presented at interview, the family relationships between the applicants on this case have not been established. Further consideration may be given upon receipt of: original birth certificates or certified birth extracts; original marriage certificates or extracts; old family registers; school records; hospital records or maternity receipts; old photographs.

☐ The applicants have failed to establish that they have continuously resided in the principal applicant's household, which is required for derivative eligibility in this refugee category. Further consideration may be given (to spouses and unmarried applicants under the age of 21) upon receipt of: old family registers; school records; old photographs; letters of explanation.

☐ The applicants on this case are married and/or over the age of twenty-one and are therefore not eligible to accompany their parents to the US as refugees. Once their parents arrive in the US and become lawful permanent residents, they may file immigrant visa petitions (Form I-130) on behalf of their unmarried children in Vietnam; once they become US citizens, they may file immigrant visa petitions for their married children (and their families).

☒ Based on the evidence and testimony presented, the applicants do not meet current ODP eligibility requirements. Further consideration of this case is unlikely. Relatives in the US may consult their local Immigration and Naturalization Service (INS) office about the possibility of filing immigrant visa petitions (Form I-130) or a refugee petition (Form I-730) on behalf of the applicants.

☐ Based on the documents and testimony presented at interview, the identity of the applicants on this case have not been established. Further consideration may be given upon receipt of: original birth certificates or certified birth extracts; original marriage certificates or extracts; old family registers; school records; hospital records or maternity receipts; old photographs; letters of explanation.

☐ Other: _____

INTERNATIONAL CATHOLIC MIGRATION COMMISSION (ICMC)
Joint Voluntary Agency for the US Orderly Departure Program, American Embassy, Bangkok

Hồ sơ số: IV. 369153/H33-465

Chương Trình Ra Đi Có Trật Tự Hoa Kỳ đã nhận được thư hỏi của Ông/Bà về trường hợp nêu trên. Trường hợp nầy đã được phỏng vấn và bị viên chức Sở Di Trú và Nhập Tịch Hoa Kỳ từ chối dựa vào các chứng từ đã trình. Không có việc khiếu nại đối với quyết định từ chối nầy. Tuy nhiên, luật di trú Hoa Kỳ cho phép đương đơn được yêu cầu mở lại hồ sơ nếu có thêm những chứng từ mới để hỗ trợ cho đơn xin ban đầu theo diện tị nạn. Chúng tôi đã tái xét hồ sơ của Ông/Bà dựa trên những chi tiết trong thư hỏi của Ông/Bà. Tuy nhiên, chúng tôi không thấy có đủ bằng chứng để bảo đảm là trường hợp nầy được tái cứu xét. Xin Ông/Bà xem những ô dưới đây để biết thêm chi tiết. Xin nhớ là những người xin đi theo chắc chắn sẽ không được tái cứu xét nếu đương đơn chính đã rời Việt Nam.

◊ Đương đơn chính không trình được các bằng cớ đầy đủ và đáng tin chứng minh là mình đã bị giam giữ tại trại cải tạo ít nhất là 3 năm vì có liên hệ với Hoa Kỳ trước năm 1975. Hồ sơ sẽ được cứu xét tiếp khi nào nhận được bản chính các giấy ra trại, giấy xác nhận thời gian bị giam giữ tại trại cải tạo do Bộ Nội Vụ cấp, bản chính giấy phục hồi quyền công dân, các hình ảnh cũ, các thư giải thích.

◊ Qua các chi tiết trình lúc phỏng vấn, đương đơn không chứng minh được họ hội đủ tiêu chuẩn tị nạn theo định nghĩa của Đoạn 101 (a) (42) của Luật Di Trú và Nhập Tịch (LDTNT). Chánh sách của ODP an định là các đương đơn diện tị nạn phải chứng minh được với viên chức phỏng vấn là họ đã bị bắt bơ va ngược đãi tại Việt Nam vì đã liên quan với Hoa Kỳ trước năm 1975. Trong vài trường hợp, các bằng chứng trình bày có thể bị xem như là không đáng tin cậy và do đó không được xem xét. Hồ sơ có thể được cứu xét tiếp nếu đương đơn trình thêm những bằng chứng hoặc sự kiện mới để hậu thuẫn cho yêu cầu ban đầu xin được xét theo diện tị nạn.

◊ Các chứng từ và bằng cớ trình lúc phỏng vấn không cho thấy có mối liên hệ gia đình giữa các đương đơn trong hồ sơ nầy. Hồ sơ có thể được cứu xét thêm khi nhận được bản chính giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh, bản chính giấy hôn thú hoặc trích lục hôn thú, các sổ hộ khẩu cũ, học bạ, giấy chứng do bệnh viện cấp, các hình ảnh cũ.

◊ Các đương đơn không chứng minh được là họ đã cư trú liên tục trong cùng một hộ khẩu với đương đơn chính là điều kiện các người xin đi theo phải có để được xét theo diện tị nạn. Hồ sơ có thể được cứu xét thêm (cho người phối ngẫu và các con còn độc thân dưới 21 tuổi) khi nhận được những giấy tờ như sổ hộ khẩu cũ, học bạ, hình ảnh cũ, thư giải thích.

◊ Các đương đơn trong hồ sơ nầy đã lập gia đình hoặc đã trên 21 tuổi nên không hội đủ điều kiện được vào Hoa Kỳ cùng với cha mẹ theo diện tị nạn. Sau khi đến Hoa Kỳ và đã trở thành thường trú nhân hợp pháp, cha mẹ có thể xin thị thực di dân (Mẫu I-130) cho các con còn độc thân tại Việt Nam. Sau khi đã nhập tịch Hoa Kỳ, cha mẹ có thể xin thị thực di dân cho các con đã lập gia đình (và con cái của những người con nầy).

◊ Những bằng cớ và chứng từ đã trình cho thấy các đương đơn không hội đủ các tiêu chuẩn hiện thời của ODP. Hồ sơ nầy không được cứu xét thêm nữa. Các thân nhân ở Hoa Kỳ có thể hội ý với văn phòng Di Trú và Nhập Tịch tại địa phương để xem có khả năng xin thị thực di dân (Mẫu I-130) hoặc đơn xin theo diện tị nạn cho những người nầy.

◊ Những chứng từ và bằng cớ trình lúc phỏng vấn không xác nhận được lý lịch của các đương đơn. Hồ sơ có thể tiếp tục được cứu xét khi nhận được bản chính giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh có thị thực, bản chính giấy hôn thú hoặc trích lục hôn thú, sổ hộ khẩu cũ, học bạ, giấy chứng nhận do bệnh viện cấp hoặc giấy chứng sinh, các hình ảnh cũ, các thư giải thích.

◊ Các lý do khác: _____

INTERNATIONAL CATHOLIC MIGRATION COMMISSION (ICMC)
Joint Voluntary Agency for the US Orderly Departure Program, American Embassy, Bangkok

Case Number: H33-465 IV 369153 Date: 17JUN97

The US Orderly Departure Program (ODP) has received your inquiry regarding the referenced ODP case. This case was interviewed and denied by a US Immigration and Naturalization Service (INS) officer based on the evidence and testimony presented. There is no appeal from such a denial, however, US immigration law provides that any applicant may request to re-open a case if additional or new evidence or facts are presented in support of the original refugee claim. Please refer to the section(s) indicated below for further information. When submitting additional documents to ODP, please submit photocopies; DO NOT SUBMIT THE ORIGINAL DOCUMENTS. Please DO NOT submit evidence which was previously seen by ODP; repeated submission of the same documents will delay the processing of your case.

☐ We have reviewed our records based on the information contained in your inquiry, however, insufficient evidence or facts are available to warrant reconsideration of the case.

☐ The documents you submitted: _____

_____

were already seen and determined by the interviewing officer to be insufficient proof of your refugee claim. These documents do not warrant an officer's review of your case.

☐ The principal applicant has failed to submit sufficient, credible evidence to establish that he spent at least three years in re-education as a result of his association with the US prior to 1975. Further consideration may be given upon receipt of:

___ re-education release certificates
___ MOI verification of time spent in re-education
___ restoration of civil rights documents
___ evidence of pre-1975 activities
___ old photographs
___ letters of explanation

☐ Based on the information presented at interview, the applicants have failed to establish that they meet the definition of a refugee as defined in Section 101(a)(42) of the Immigration and Nationality Act (INA). ODP policy indicates that refugee applicants must demonstrate to the satisfaction of the interviewing officer that they have been subject to persecution in Vietnam as a result of their association with the US prior to 1975. In some cases, evidence presented may have been determined not credible and therefore not considered. Further consideration may be given if additional new evidence or facts are presented in support of the original refugee claim.

☐ Based on the documents and testimony presented at interview, the family relationships between the applicants on this case have not been established. Further consideration may be given upon receipt of: birth certificates or certified birth extracts; marriage certificates or extracts; old family registers; school records; hospital records or maternity receipts; old photographs.

☑ Based on the evidence and testimony presented, the applicants do not meet current ODP eligibility requirements. Further consideration of this case is unlikely. Relatives in the US may consult their local Immigration and Naturalization Service (INS) office about the possibility of filing immigrant visa petitions (Form I-130) or a ~~refugee petition (Form I-730)~~ on behalf of the applicants.

☐ Based on the documents and testimony presented at interview, the identity of the applicants on this case have not been established. Further consideration may be given upon receipt of: photocopies of old identification cards; birth certificates or certified birth extracts; marriage certificates or extracts; old family registers; school records; hospital records or maternity receipts; old photographs; letters of explanation.

☐ The referenced case was represented to a consular/immigration officer based on your submission of _____

on _____ and the original denial was upheld.

☐ Other: _____

_____

_____

TO: TANH LE

TANH LE

[redacted]

USA

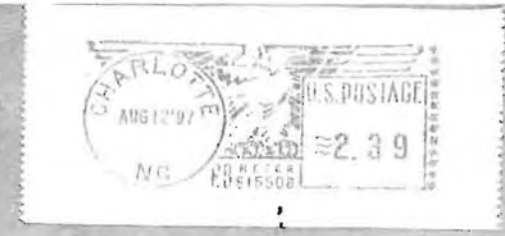

— HO 33 Pr. 13/10/94
— 5 người con bị bắc ái
có 2 người con ở có Khai
sang gốc (bưu sao lam
lai sau 1975)
Có đầy đủ hồ sơ, số mua hàng
— Xin can thiệp

FIRST CLASS

FIRST CLASS

To:

[redacted]

Tel. 703-560-0058

FIRST CLASS

Aug. 16, 97

Hager

AUG 15 1997